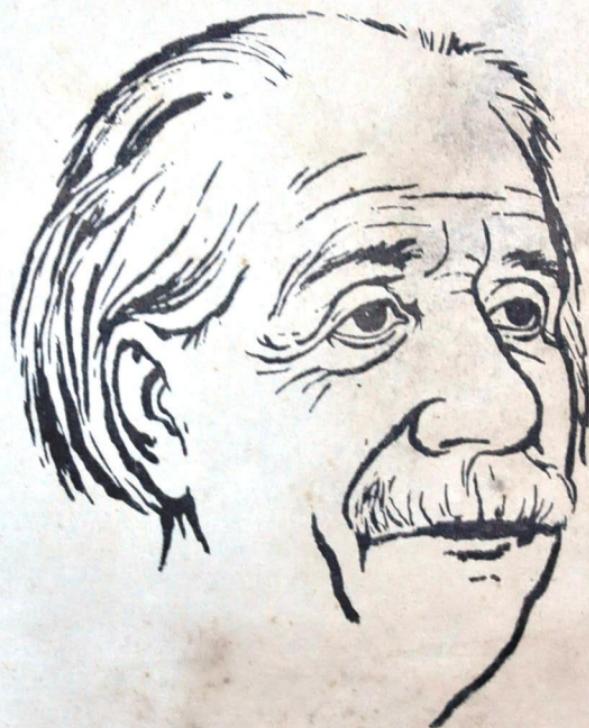


NGUYỄN HIẾN LÊ



# einstein

LỬA THIÊNG  
1972

NGUYỄN HIẾN LÊ

EINSTEIN  
ĐỜI SỐNG VÀ TƯ TƯỞNG

LỬA THIỆNG  
1972

*PHẦN I*

**ĐỜI SỐNG VÀ TƯ TƯỞNG**

## Một bộ óc lạ lùng và một tâm hồn đáng quý.

Năm 1952 hay 1953, đại sứ Ấn Độ ở Hoa Kỳ là Mehta, lại thăm Einstein để thay mặt chính phủ Ấn mời Einstein qua Ấn dự một hội nghị khoa học. Einstein vừa già vừa yếu, từ chối rồi nói thêm :

— Tôi thực ăn hận vì tôi rất quý mến dân tộc Ấn Độ và thủ tướng Nehru.

Khi Mehta nói về các vĩ nhân hiện đại, so sánh Einstein với Gandhi, Einstein nhở nhẹ bảo :

— Ông ạ, xin ông đừng so sánh tôi với Gandhi. Gandhi đã giúp cho nhân loại được biết bao. Còn tôi, tôi đã làm được gì đâu ? Tìm ra được vài công thức khoa học, cái đó có gì là phi thường.

Lời đó không phải là một lời xả giao, Einstein quả thực đã nhiều lần ngạc nhiên rằng sao thiên hạ khen mình quá mức khiến ông phải ngượng và cũng đã nhiều lần tỏ ý ngưỡng mộ Gandhi. Trong nhà ông ở Princeton có treo một hình của Gandhi.

Nhưng hầu khắp thế giới đều cho Einstein và Gandhi là những vĩ nhân làm vẻ vang nhất cho nhân loại ở thế kỷ XX này.

Chúng ta phục nhát bộ óc lì lùng của Einstein đã tìm ra được điểm cốt yếu trong cái trật tự thâm áo của vũ trụ (<sup>1</sup>)! mà chúng ta cũng phục cái tâm của ông nữa; lý tưởng nhân bản tự do, hòa bình, hợp tác quốc tế mà ông bênh vực, làm cho một nhà báo đã bảo: đức độ của ông còn rực rõ hơn thiên tài của ông.

Hầu hết các nhà bác học chân chính đều có một cá tính cao đẹp, nhưng tôi chưa thấy ai bằng Einstein.

Chắc nhiều độc giả đã thấy chân dung ông. Rất dễ nhận, chỉ coi một lần là nhớ: mờ tóc bạc phơ, bù xù như bờm sư tử, vàng trán rộng, cao, nét mặt cân đối, cặp mắt tinh anh, lúc nào cũng như mơ mộng, suy tư; nhất là cái vẻ phúc hậu, hiền từ, rất dễ thương của ông tỏa ra một cách hồn nhiên, không có chút gì là cố ý làm vui lòng người khác, mà đối với ai thì cũng vậy, không phân biệt gì cả. Tâm hồn ông lúc nào cũng quân bình, vui vẻ.

Nhưng lạ lùng thay: mặc dầu rất nhã nhặn, ân cần với mọi người—trừ với những kẻ tàn bạo, tự cao tự đại—ông rất ngại giao du quá thân mật với người khác, thành thử có vẻ như cô độc trong đám đồng nghiệp, bạn bè, sinh viên, ngay cả trong gia đình ông nữa. Chính ông đã tự xét ông như vậy :

---

(1) Lời của nhà bác học Oppenheimer.

« Tôi say mê theo lý tưởng công bằng và trách nhiệm đối với xã hội (...) nhưng hiển nhiên là tôi không thích trực tiếp hợp tác với người khác, đàn ông và đàn bà. Tôi là con ngựa chỉ quen với một cỗ yên cương, không chịu buộc chung với một con ngựa nào khác. Tôi không khi nào hết lòng tùy thuộc các bạn bè, ngay cả gia đình của tôi nữa. Những liên hệ đó luôn luôn lợi dần ra và tuổi càng cao, tôi càng muốn rút vào trong cái vỏ của tôi ».

Ông bảo ông có thái độ đó vì ông muốn thoát ly các tục lệ, thành kiến của người khác, muốn được hoàn toàn là mình. Có lẽ cũng còn do ông không quan tâm một chút gì tới những cái nhỏ nhen, lặt vặt trong đời sống, để tư tưởng vượt lên được tới những tầng cao nhất. Vẫn nhập thế — hăng hái bàn về các vấn đề khoa học và xã hội — mà vẫn như xuất thế, xuất thế một cách bỗn nhiên, do thiên tính, chứ không gò bó, cầu kỳ như một số triết gia, đó là điểm đặc biệt nhất trong tâm hồn ông.

\* \* \*

## Đời học sinh

Albert Einstein sinh trong một gia đình Do Thái (nhưng không theo đạo Do Thái) ở Ulm (Đức) ngày 14 tháng 3-1879. Cha là Hermann làm chủ một xưởng nhỏ chế đồ điện, vui tính, chẳng có gì là một nhà khoa học

cô, chủ nhặt thường dắt vợ con ra ngoại ô Munich dạo mát ở chán núi, bờ hồ, kiểm một quán đồ đánh chén. Mẹ là Pauline Koch, hiền lương, thích chơi đàn piano mỗi khi rảnh công việc nhà.

Albert bầm sinh từ tốn, bình tĩnh, không ưa các trò chơi hung hăng của các trẻ khác mà thích cùng với em gái là cô Maya chơi chim và bò rầy ở sân cỏ. Một lần cha cậu dắt cậu đi chơi, gặp một đoàn quân đi qua thành phố, kèn trống inh ỏi, theo sau là một bầy con nít hò la nhảy nhót, cậu sợ quá, nắm lấy tay cha, khóc lóc năn nỉ cha đưa về nhà, không chịu nổi tiếng ồn đó.

Ba tuổi mới biết nói, sáu tuổi vô một trường công giáo vì không có trường Do Thái nào ở gần. Học không giỏi. Điểm rất tầm thường, mà chẳng có ý ganh đua đe đứng đầu lớp. Thậm chí bà mẹ đã lo ngại phản nản với một người bạn thân : « Tôi không biết sau này cháu Albert sẽ làm cái nghề gì, học hành kém quá ».

Được cái là tinh tinh rất ngoan : thích môn Thánh sử lắm, thuộc lâu lâu đời chùa Ki Tô và các truyện trong Thánh kinh, không hề phân biệt đạo Ki Tô và đạo Do Thái. Triết đẽ không nói dối, ghê tởm sự nói dối, cho nên nhiều khi suy nghĩ lâu rồi mới trả lời làm cho người ta tưởng rằng cậu chậm chạp. Bạn đọc mỉa mai cậu, gọi là *Biedermier* có nghĩa gần gũi như là « thằng bé thật thả như đẽm ».

Mười tuổi cậu vô trường trung học Luitpold ở Munich cũng chẳng xuất sắc chút nào cả. Cậu không ưa kỷ luật nghiêm khắc của trường; sau này nhớ lại các ông thầy

cũ, bảo các giáo viên có vẻ như các « thầy đội », còn các giáo sư thì không khác gì các ông « trung úy », độc tài, tàn nhẫn với người dưới mà khum núm với người trên. Cậu thêm oán cái lối bắt học thuộc lòng niên đại và chi tiết về các biến cố lịch sử. Sau này khi đã nổi danh rồi, Einstein mặt sát lối học đó : « Cần gì phải nhớ mỗi giây, ánh sáng đi được bao nhiêu cây số. Mở tự diễn ra mà tra. Dạy học là tập cho trẻ suy nghĩ chứ không phải nhồi cho chúng nhớ thật nhiều. »

Và cậu thích suy nghĩ, thường hỏi giáo sư : « Tại sao vậy ? Cảnh nào vậy ? » Khi giáo sư hỏi, cậu chậm chạp cân nhắc rồi mới đáp, làm cho nhiều ông bức mình. Vẻ mặt cậu lúc nào cũng như mơ mộng. Cậu tự hỏi những câu, chẳng hạn như : « Nếu có thể nhốt được một tia sáng thì sẽ ra sao nhỉ ? »

Như mọi nhà bác học khác, ngay từ hồi nhỏ, Einstein đã ham đọc sách, nhất là loại phồ thông khoa học, để hiểu những bí mật của vũ trụ, rồi tới tác phẩm của Schiller và Goethe.

Mười hai tuổi, Albert bắt đầu mê môn hình học, có khiếu lạ lùng về toán, cả ngày chỉ lùi hùi làm toán, lúc nào muốn nghỉ thì chơi vĩ cầm, vì đã được mẹ dạy cho từ hồi nhỏ. Cậu thích những bản du dương, vui tươi của Mozart, sau này thích thêm Bach nữa, bảo hễ nghe Bach thì chỉ nên làm thịnh mà ngưỡng mộ thôi, chứ không nên thốt một lời nào cả, và có lần thấy một thanh niên không thường thức nói Bach giữa một buổi hòa tấu, trong một buổi tiếp tân quan trọng, Einstein bất chấp phép xã giao,

dắt thanh niên đó qua một phòng khác, quay các đĩa hát để hướng dẫn chàng ta hiểu nhạc, làm cho bà chủ nhà hơi phật ý<sup>(1)</sup>. Einstein đờn không hay, nhưng có thể thuộc vào bảng tài tử khá.

\* \* \*

Năm Albert mười lăm tuổi, công việc làm ăn của cha sa sút, gia đình phải qua Milan (Ý), để cậu ở lại Munich một mình học cho hết chương trình Trung học.

Cậu ở trọ một nhà nọ, buồn bã, chán nản, thấy mình cõi độc. Vừa ghét kỷ luật nhà trường, vừa nhớ gia đình, cậu muốn đau, bỏ học, chỉ ngong ngóng mong thư từ bên Ý qua, thành thử sự học sút hẳn.

Một hôm, viên hiệu trưởng kêu cậu vô phòng giấy bảo :

— Trò nên kiểm trường khác mà học.

Cậu hỏi :

— Con có lỗi nào đâu ?

— Trò có vẻ không thích học, không tin cách dạy ở đây ... với lại, trò làm trái kỷ luật của lớp học.

Albert thấy lời buộc tội đó bất công, muốn phản kháng, nhưng nghĩ lại, thấy cơ hội đó rất tốt để được qua Ý, cậu lặng lẽ cắp sách ra về.

---

(1) Xem phụ lục : *Tối gặp Einstein*.

Qua Milan ở với cha mẹ và em gái, cậu thích nền trời sáng sủa của Ý, thích bóng rợp của cây cối bên đường, thích tiếng đờn tiếng ca của nông dân trên cánh đồng Ý, thích các giáo đường, lâu đài, viện tang cổ Ý.

Nhưng công việc làm ăn của cha ở Milan còn tệ hơn ở Munich, gia đình lại dời một lần nữa qua Pavie. Rồi một hôm cha cậu bảo cậu: « Công việc của ba lúc này xuống quá rồi, ba không thể nuôi con ăn học được nữa đâu ».

Cậu đã tính bỏ học, kiếm một việc gì giúp nhà, may được mấy người anh họ tinh nguyện giúp đỡ, miễn là chịu sống cực khổ một chút. Cậu bèn xin phép cha mẹ qua Thụy-Sĩ <sup>(1)</sup>, thi vào trường Bách khoa *Polytechnicum* ở Zurich. Thi rớt vì kém các môn vạn vật học và ngoại ngữ, nhưng được viên trưởng an ủi:

— Bài toán và bài vật lý của cậu xuất sắc lắm. Cậu nên học lại các môn kém ở một trường trung học nào đó, Cậu mới mười sáu tuổi đầu mà vội gì. Tôi giới thiệu cho cậu một trường ở Aarau, cách đây năm chục cây số. Lại đó học các môn vạn vật và ngoại ngữ đi. Cậu có tương lai về hai môn toán và vật lý.

Không khí ở Aarau rất dễ chịu: kỷ luật không nghiêm khắc như ở Munich, tinh thay trò, bạn bè lại thân mật. Học hết năm, Albert được vào trường *Polytechnicum* khỏi phải thi, cậu lựa ngành giáo sư, chứ không phải kỹ sư như thân phụ muốn, chuyên về vật lý và toán.

---

(1) Vì ở Thụy Sĩ có trường dạy bằng tiếng Đức, ở Ý không có.

Hồi đó cậu đã bỏ quốc tịch Đức, thích tinh thần của Zurich. Muốn nhập quốc tịch Thụy-Sĩ, theo luật, phải sống trong nước bốn năm và đóng một số tiền. Cậu nhịn ăn, nhịn tiêu, để dành một phần tư số tiền các người anh họ chu cấp cho mỗi tháng, để nộp lệ phí đó.

\* \* \*

## Lựa con đường phát minh và nỗi danh.

Năm 1910, cha mất. Cũng năm đó, Albert ra trường được sắp ưu hạng về hai môn toán và vật lý. Cậu viết trong nhật ký: « Về khoa học, tôi có nhiều ý hay lắm, nhưng phải đợi một thời gian ấp ú lầu rồi mới đưa ra được ». Cậu đã dám chê Newton là đưa ra nhiều luật mà chẳng chứng minh gì cả. Chẳng hạn Newton bảo sức hấp dẫn trong vũ trụ có tác dụng ở xa và tức thời, điều đó khó mà hiểu được. Rồi ông lại cho rằng trong không gian có chất é-te. Toàn là giả thiết dựng đứng lên thôi, chưa thể chấp nhận được.

Mặc dầu đậu cao, Albert xin việc ở đâu cũng bị từ chối. Ngày nào cũng đọc mục « Cần người » trên các báo, rồi cũng chạy đi hỏi han và nộp đơn nhưng ngày tháng cứ qua mà số tiền trong túi cứ giảm, quần áo đã sờn và sáp rách. Có cái gì không êm đây ? Tại sao các

bạn học tần thường, đậu thấp lại có việc ngay và kiểm được những chỗ tốt?

Đúng khi cậu đã thất vọng thì một trường kỹ thuật ở Winterthur cho cậu một chỗ dạy tạm. Học sinh đã bướng bỉnh lại làm biếng, chỉ thích chơi bời, tán gái, nhưng Einstein vừa khoan vừa nghiêm, giảng rất dễ hiểu, nên luôn luôn được chúng trọng. Ít tháng sau chàng dạy tại một trường tư, học trò rất tần tớ, viên chủ trường thấy ngại, bảo chàng :

— Tôi muốn các giáo sư của tôi theo lối dạy của tôi; thầy có lối dạy khác, nên tôi không thể mướn thầy được nữa.

Thế là chàng lại trở về Munich, vừa đúng lúc được giấy nhập quốc tịch Thụy-Sĩ, hy vọng rằng từ nay xin việc sẽ dễ dàng, nhưng sự thật, chàng vẫn chỉ là một người Thụy-Sĩ trên giấy tờ, nên vẫn thất nghiệp.

Mãi đến mùa thu năm 1902, nhờ một người bạn giới thiệu, chàng mới được vỗ làm phòng Phát minh chấp chiếu ở Berne. Công việc của chàng là xét các phát minh người ta gửi tới xem có giá trị không, có phải là một sáng kiến không, hay chỉ là cắp một phát minh có từ trước để phát tờ chấp chiếu cho người ta.

Einstein hoi thích công việc đó, xét đoán mau và sáng suốt, được cấp trên mến. Có việc làm chắc chắn, chàng cưới cô Milena, gốc Serbe bạn học cũ ở trường *Politechnicum* và hai vợ chồng mướn một phòng nhỏ tồi tàn sống một cách cực khổ nhưng vui: vợ lo việc nhà và những lúc rảnh hăng hái bàn về vật lý với chồng.

Hồi này Einstein đưa ra một thuyết về các *photon* tựa như « hạt » ánh sáng đăng trên tờ *Niên giám Vật lý*. Nhiều người nói lên công kích nhưng chàng tự tin, nói với vợ:

— Kẻ nào đã lừa con đường phát minh thì phải chịu cảnh cô độc trên đường.

Ít lâu sau chàng lại đưa ra một thuyết mới nữa: thuyết « vận chuyển Brownien của các phân tử » mà chàng chứng minh bằng toán học. Nhờ thuyết đó chàng được đại học Zurich cấp cho bằng tiến sĩ và giới khoa học Thụy-Sĩ bắt đầu để ý tới tên Einstein.

Năm 1905, Einstein lại chứng minh cũng bằng toán học rằng tốc độ ánh sáng trong khoảng chân không là hằng số duy nhất trong vũ trụ: không một năng lực nào có thể làm cho nó tăng hoặc giảm được, nó luôn luôn vào khoảng 300.000 cây số giây.

Cũng năm đó, ông đưa ra « thuyết tương đối hẹp » (*théorie de la relativité restreinte*).

Ông bảo chuyển động đều (*mouvement uniforme*) nào cũng là chuyển động của một vật này tương đối với một vật khác. Ví dụ đứng trên một toa xe lửa đường chạy nhìn một chiếc xe hơi chạy dưới đường, nếu xe hơi chạy cùng chiều với xe lửa thì ta thấy nó chạy chậm nếu nó chạy ngược chiều với xe lửa thì thấy nó chạy nhanh. Mà nếu toa xe đóng kín mít các cửa, tối om om thì ta có cảm tưởng rằng xe lửa không chạy (¹).

---

(¹) Dĩ nhiên thuyết đó không phải chỉ giản dị như vậy. Muốn trình bày cho đủ thi phải là một nhà toán học, mà không phải ai cũng hiểu được.

Vậy thuyết của ông chỉ mới xét riêng về các chuyển động đều, nên ông gọi nó là «*thuyết tương đối hẹp*». Thuyết đó giảng được vài cái mâu thuẫn trong môn vật lý thời đó, nên một số nhà bác học rất phục ông. Như Witkowski, người Ba Lan, gọi ông là «*một Copernic nữa mới ra đời!*»; Max Plank người Đức khen ông là can đảm và độc đáo.

Năm đó Einstein mới hai mươi sáu tuổi !

\* \* \*

## $E = mc^2$ và nguyên tử lực

Nhưng độc đáo nhất là ý này: từ trước các nhà vật lý học đều cho năng-lượng (*énergie*) và khối lượng (*masse*) là hai cái khác hẳn nhau; Einstein không tin như vậy, thấy tốc độ của các *électron* tăng thì năng lượng của nó cũng tăng theo, ngỡ rằng năng lượng và khối lượng chỉ là một. Ông suy nghĩ, dùng toán học mà tìm ra được công thức lạ lùng này :

$$E = mc^2$$

Nghĩa là năng lượng E bằng khối lượng m nhân với tốc độ c, rồi lại nhân với tốc độ nữa. Chẳng hạn khối lượng một gram vật chất chứa một năng lượng (tính theo erg) bằng bình phương của tốc độ ánh sáng (tính theo cm). Nur vậy một kí lô vật chất nếu đổi ra

thành năng lượng thì sẽ thành 25 ngàn triệu kw giờ  
nghĩa là bằng tổng số năng lượng mà kỹ nghệ điện sản  
xuất ở Hoa Kỳ trong hai tháng (năm 1939), trong khi một  
ký lô than đốt lên chỉ cho ta được có 8,5 kw giờ thôi.

Công thức  $E = mc^2$  làm xao động giới khoa học  
trên thế giới. Nó cho họ thấy năng lượng vĩ đại nằm trong  
cái nhân của nguyên tử, và sau này, khi chế tạo được  
bom nguyên tử, người ta mới thấy công thức đó đúng.

Nó lại giảng được tại sao mặt trời phát sinh ra ánh  
sáng và sức nóng cả bao nhiêu tỷ năm nay mà không nguội  
đi, tắt đi. Nếu mặt trời là than hay dầu lửa thì tắt đã  
tắt ngùm từ lâu rồi. Sở dĩ còn cháy được là nhờ những  
phản ứng hạch-tâm tạo nên những năng lượng theo công  
thức  $E = mc^2$ . Ta thử tưởng tượng chỉ một kí lô vật  
chất tạo được 25 triệu kw giờ năng lượng thì khối lượng  
lớn lao vô cùng của mặt trời kia tạo được biết bao nhiêu  
năng lượng.

Nhờ những phát minh đó, Einstein được mời làm  
*privat-dozent* (tựa như giảng viên) ở đại học Berne. Ông  
không được lãnh lương nhất định, chỉ được nhận tiền  
đóng góp của sinh viên, như vậy nếu sinh viên ít thì ông  
sẽ đói ; hơn nữa, ông lại bị các giáo sư Zurich kiểm soát,  
nếu họ bằng lòng lỗi dạy của ông thì họ mời đê nghị cho  
ông làm giáo sư ở Zurich.

Bà Mileva muốn ngăn ông, nhưng ông nhận lời,  
và trong khi dạy thử, ông vẫn làm ở phòng Phát minh  
chấp chiếu.

Buổi đầu, chỉ có hai sinh viên lại nghe Ông giảng mà cả hai đều là bạn thân của Ông, muốn nâng đỡ Ông. Ông phải rán trình bày thuyết của Ông sao cho vừa với trình độ của họ; và lần lần số sinh viên tăng lên. Rồi một hôm, Ông thấy trong đám thính giả có giáo sư Kleiner ở đại học Zurich, Ông hóa ra lúng túng.

Cuối giờ, Kleiner, bằng một giọng nghiêm khắc, bảo Ông :

— Bài giảng của Ông hôm nay coi bộ không hợp với tinh độ sinh viên. Nếu Ông dạy không có kết quả hơn thì tôi khó giới thiệu Ông với đại học Zurich được.

Einstein đáp :

— Không sao. Nếu vậy thì tôi xin nhiệt liệt giới thiệu với Ông, Ông bạn thân của tôi là Friedrich Adler vào chân giáo sư đó.

Kleiner ngạc nhiên : lần đầu tiên mới thấy một thanh niên coi thường chức giáo sư đại học như vậy.

Nhưng ít tháng sau (1909), Einstein được đề cử làm giáo sư vật lý ở Zurich. Sau này Ông mới hay rằng chính Adler đã nhường chỗ đó cho Ông, bảo rằng : « Nếu có thể mời Einstein dạy ở Zurich thì không có lý gì lại đề cử tôi. Tôi thú thực rằng khả năng phát minh về vật lý của tôi kém Ông ấy xa ». Mỗi tình của hai bạn thân đó đối với nhau thật cao thượng.

Einstein viết thư báo tin ngay cho thân mẫu : « thắng Albert của má nay là giáo sư rồi má à ». Ông không lấy

việc đó làm vinh dự nhưng biết rằng mà ông sẽ sung sướng thấy ông đã có chút danh vọng.

Những bài giảng của ông ở Zurich rất được hoan nghênh vì ý kiến đã mới mẻ mà lại trình bày một cách hấp dẫn. Một hôm, ông giảng về luật biến đổi: « tốc độ càng cao thì kích thước càng rút ngắn lại » của một vật lý gia Hòa Lan tên là Hendrik Antoon Lorentz. Ông chứng minh luật đó bằng toán học rồi bảo:

— Như vậy, một cây thước di động theo chiều dài của nó với tốc độ 150.000 cây số/giây thì chiều dài của nó sẽ mất đi ba phần. Nếu tốc độ của nó bằng tốc độ ánh sáng thì chiều dài của nó thành số không.

Một sinh viên bảo:

— Nhưng theo cái lẽ thường thì dù đứng yên hay di động, một vật vẫn giữ những kích thước của nó.

Einstein mỉm cười, đáp:

— Nhưng lẽ thường là cái gì kia chứ? Chỉ là thành kiến từ hồi trẻ thôi. Phải có tinh thần từ bỏ thành kiến đi mới được.

Dẫu sao thì cũng khó mà tưởng tượng được một cây thước rút ngắn lại tới số không.

Einstein giảng:

— Sự rút ngắn đó không có gì lạ. Chiều dài không phải là một sự kiện của một vật mà chỉ là một liên hệ giữa vật với người quan sát vật đó. Chỉ một phần nhỏ

vũ trụ có thể giảng được bằng những giác quan của ta; còn thi phải dùng tư tưởng mà đạt được tri thức.

Dùng tư tưởng mà đạt được tri thức, đó là mục đích của môn vật-lý lý-thuyết (physique théorique) mà Einstein suốt đời nghiên cứu.

Lương của ông ở đại học Zurich tăng lên, nhưng ông không lấy vây làm vui, hỏi các bạn đồng sự: « Tại sao lương người này lại lớn hơn lương người khác, vì ai cũng có bốn phần phụng sự nhân loại như nhau cả mà ». Không những vậy, ông còn cho con người là bị nó lệ tiền bạc, giá đắt hết các giấy bạc, các cờ phiếu đi thi nhân loại đỡ lo lắng, đau khổ hơn.

Ông không trọng tiền mà cũng chẳng quan tâm tới địa vị, chức tước, coi mọi người bình đẳng, cư xử với người lao động cũng lễ độ như với ông viện trưởng viện đại học. Mỗi khi trong nhà có tiệc tùng, khi khách ra về rồi, ông đích thân dọn bữa cho chị giúp việc ăn vì « phải tôn trọng người lao động », họ cực khổ hơn mình, và nhờ họ giúp, mình mới làm việc bằng trí óc được.

Ông rất ghét tinh thần ghen tị nhau giữa các giáo sư đại học. Đại học ở nước nào, thời nào thi cũng có nạn bè phái, « xôi thịt ». Người ta cay cung, nịnh hót để cho bài nghiên cứu của mình được đăng trên tạp chí khoa học; người ta chê bai nhau: kẻ này mấy năm chẳng có công trình nào, kẻ kia chỉ giảng những điều cũ rích; người ta ấm ức vì không được thăng chức, người ta mỉa mai những người may mắn được vỡ viện hán lâm... Trong

các ngôi đền thờ tri thức đó, cũng có đủ các cái bỉ ổi như trên trường chính trị, kinh doanh và cả trăm giáo sư may mắn được vài người có tư cách đáng gọi là bác học.

Bản tính Einstein vốn độc lập, ít chịu trực tiếp cộng tác với người khác, cho nên thấy không khi đó trong Đại học, ông càng chán ngán, cùi cẩm cùi làm việc, mặc người khác tranh giành địa vị với nhau. Dĩ nhiên, bạn đồng sự của ông cũng không ưa ông.

Hai ông bà lúc này đã có hai người con trai: Hans và Eduard; bà phàn nàn rằng không đủ tiêu, ông ngạc nhiên hỏi tại sao. Bà đáp: tại có thêm con, và khách khứa nhiều hơn trước.

Ông thực sự không có cách nào kiếm thêm tiền được và bà phải nuôi thêm người ở trợ.

Năm 1910, ông được dạy môn vật lý lý thuyết ở đại học Prague, chức cao hơn, lương cũng cao hơn, năm 1912 lại được mời dạy ở trường *Polytechnicum* tại Zurich và hai năm sau hai nhà bác học danh tiếng Max Plank và Walter Nernst tới mời ông làm giáo sư ở đại học Berlin và vô hàn lâm viện khoa học Đức.

Ông nhận lời với điều kiện vẫn giữ quốc tịch Thụy-Sĩ.

Theo Hilaire Cuny trong cuốn *Einstein* (Seghers 1961) thì ông nhận qua Đức dạy vì ông muốn xa bà; không khí trong gia đình trong mấy năm nay không còn vui như hồi đầu, tinh tinh của bà không hiểu sao đã thay đổi, nhiều lúc quạo quạo, bà không chịu ở Đức, nhất định ở lại Thụy Sĩ với hai người con.

Nhưng theo Aylesa Forsee trong *Einstein et la physique théorique* (Nouveaux Horizons — 1966) thì ông vẫn quí vợ, khi xa vợ con, ông hy vọng tới Berlin ít tháng rồi vợ con ông sẽ qua sau, nhưng bà thưa viết thư cho ông rồi lần lần họ mặc nhiên ly thân nhau.

Ở Berlin được ít lâu, ông cưới cô Elsa một người em họ cũng đã ly thân với chồng và có hai người con gái riêng: Margot và Ilse. Cuộc hôn nhân này có hạnh phúc hơn: bà Elsa tinh tình vui vẻ, không biết chút gì về vật lý, nhưng khéo chiều chồng và tận tâm săn sóc chồng. Sự hiểu biết của bà về môn toán chỉ vừa đủ để làm bốn phép tính và giữ sổ chi tiêu trong nhà, bà không thể góp ý với chồng về công việc nghiên cứu vật lý được, nhưng nhận định được thiên tài của chồng và tự nhận trách nhiệm lo hết mọi việc gia đình, tiếp đãi khách khứa, để chồng được rảnh trí mà suy tư, tìm tòi.

Trong thời chiến tranh, nhiều thức ăn bị hạn chế, bà cố xoay sở cho ông không bị thiếu thốn. Tới bữa ăn mà ông vẫn mải mê với công việc thì bà khẽ nhắc ông. Khách lạ tới, bà xét có nên để ông tiếp không, sợ có nhiều người chẳng có việc gì quan trọng cũng tới quấy rầy ông. Tóm lại, bà che chở săn sóc ông gần như săn sóc một em bé. Điều đó có lần làm cho ông bức mình, nhất là những khi đi du lịch nước ngoài, bà muốn ăn bận đàng hoàng, nhắc ông bận thứ áo này, đeo chiếc cà-vạt nọ . . . , mà ông không muốn lệ thuộc những vật chất đó, không muốn lệ thuộc thói đời, nên ông phàn nàn với người khác:

— Nhà tôi ở nhà suốt ngày săn sóc các đồ đạc, bàn ghế, giường tủ; khi đi xa, thì chỉ có tôi là món đồ duy nhất cho bà ấy săn sóc.

Thỉnh thoảng bà cũng đưa ông:

— Minh giỏi toán nhất đời, ai nấy đều phục, nhưng không tính nổi số tiền còn gởi ở ngân hàng là bao nhiêu.

Ông đáp:

— Có lẽ tại anh thấy con số trên chương mục khác những con số trên một bài toán vật lý.

Lần khác bà bảo ông:

— Nhiều người hỏi em lúc này mình đương nghiên cứu cái gì. Nếu em trả lời rằng em không biết thì ra vẻ ngu ngốc quá. Minh giảng qua cho em được không?

Ông suy nghĩ một chút rồi đáp.

— Lần sau có ai hỏi thì em cứ đáp rằng em biết nhưng không thể nói ra được, vì đó là điều bí mật.

\* \* \*

## « Einstein hạ giới » và thuyết tương đối ra đời.

Đầu năm 1916 Einstein phát triển thêm «thuyết tương đối hẹp» thành «thuyết tương đối tổng quát»

(relativité généralisée) <sup>(1)</sup>. Lúc đó mọi người mãi theo dõi tin tức trên mặt trận Pháp, nên chỉ có vài tờ báo đăng tin phát minh mới đó của ông; và lại thuyết đó cao quá tương truyền khắp thế giới chỉ có mười hai nhà bác học hiểu nỗi. Nhưng ai cũng nhận rằng nó là một cuộc cách mạng vĩ đại vào bậc nhất trong khoa học từ thời Newton tới nay.

Suốt hai thế kỷ, người ta đều nhận thuyết van vật hổ tương hấp dẫn của Newton là đích xác rồi, giải được những vấn đề căn bản của khoa học tới nỗi một thi sĩ Anh Alexander Pope (1688-1744) đã ca tụng Newton như sau :

*Nature and Nature's law lay hid in night ;*

*Good said : « Let Newton be » ! and all was light.*

Thiên nhiên và luật thiên nhiên còn chìm trong bóng tối ;

Thượng Đế truyền : « Newton hạ giới ! » thế là vũ trụ bừng sáng.

---

(1) Ông Hoàng Xuân Hãn dịch là « thuyết tương đối suy rộng » rộng đối với hẹp (relativité restreinte). Nhưng nhiều người theo tiếng Anh dịch là « tương đối tổng quát » (general theory).

Thuyết đó rất khó, tôi không đủ tư cách để phổ biến nó với độc giả, cho nên trong cuốn này chỉ giới thiệu ít hàng thõi ; độc giả có thể đọc cuốn : *l'Introduction à l'étude de la relativité* của Bertrand Russell.

Về tiếng Việt, tôi xin giới thiệu bài *Quan niệm không thời gian trong thuyết tương đối Einstein* của Giáo sư Phạm Mậu Quân đăng trên Gió Việt số 18 tháng 4 năm 1969.

Nhưng khi thuyết tương đối tổng quát của Einstein xuất hiện, có người đã đề nghị thêm hai câu dưới đây nữa :

Nhưng chẳng được bao lâu, rồi Quỷ Satan bảo :  
« Einstein hạ giới ! » và vũ trụ lại tối tăm lại.

Hai câu đó diễn được ý kiến rất phổ biến này : học thuyết của Newton đã sụp đổ, khoa vật lý trước thế kỷ XX cũng sụp đổ, người ta không thể giảng vũ trụ bằng cơ học (mécanique) được nữa. Nhưng bảo rằng vũ trụ tối tăm lại thì sai; vì thuyết của Einstein giảng được vũ trụ một cách đúng hơn trước, làm cho vũ trụ sáng hơn trước nữa.

Newton chỉ coi sự hấp dẫn (gravitation) là một sức mạnh. Einstein dùng môn toán để chứng minh rằng khoảng chung quanh của bất kỳ một thiên cầu nào (mặt trời, mặt trăng, trái đất, các ngôi sao ...) đều là một trường hấp dẫn (champ gravitationnel) cũng như trường từ tính (champ magnétique) ở chung quanh một phiến nam châm.

Mấy thế kỷ nay thuyết của Newton không giảng được những chuyện động khác thường của hành tinh Mercure, nay theo thuyết của Einstein thì những chuyện động đó hiều được. Sức hấp dẫn của champ gravitationnel đó lớn tới nỗi tia sáng gặp nó phải quẹo đường đi.

Cũng theo thuyết của Einstein, vũ trụ là một khoảng cong và như vậy vũ trụ không phải là vô biên.

Điều đó, tất cả các nhà thiên văn cho là vô lý.

Các nhà hình học cũng hoang mang: phải bỏ môn hình học ba chiều (trois dimensions) của Euclide, mà thay vào môn hình học bốn chiều.

Không do nhân xét thiên nhiên, không nhờ thí nghiệm, chỉ suy nghĩ rồi làm toán (Einstein đã có lần nói rằng phòng thí nghiệm của ông là cây viết máy), Einstein chứng minh được thuyết của mình. Ông bảo tia sáng một ngôi sao khi tới gần mặt trời, uốn cong về phía trong (nghĩa là về phía mặt trời), thành thử ở trái đất nhìn lên, ta thấy vị trí của ngôi sao sai đi một chút cũng như khi thọc một đầu gậy xuống nước, ta thấy đầu gậy không ở đúng vào vị trí thực của nó.

Và vì vũ trụ là một khoảng cong, một tia sáng của một ngôi sao nào đó có thể sau hằng tی năm, di vòng quanh vũ trụ rồi lại trở về chỗ nó xuất phát, cũng như chúng ta đi vòng quanh trái đất rồi trở về Saigon vậy.

Các nhà bác học không bác được lối tính của Einstein, nhưng cũng chưa tin hẳn, mãi tới bốn năm sau, ngày 29 tháng 5 năm 1919, nhân một lần nhật thực, dùng máy ảnh để chụp hình ở Sobral (Brésil) mới thấy rằng quả nhiên tia sáng một ngôi sao đã uốn cong đi khi lại gần mặt trời, mà vị trí của ngôi sao đó xé dịch khoảng 1,45 giây cung (seconde d'arc) đúng như Einstein đã tính trước.

Lúc đó người ta mới phục bộ óc vĩ đại của ông và hai năm sau, năm 1921, ông được giải thưởng Nobel về vật lý, nhưng không phải vì thuyết tương đối, mà vì một công trình nghiên cứu về *photon*, một công trình mà

tầm quan trọng kém hơn nhiều. Số tiền năm ngàn Mỹ kim nhận được, ông tặng một nửa cho một cơ quan từ thiện, còn một nửa giao cho bà vợ trước đê nuôi hai cậu con trai. Ông không có thêm người con nào nữa với bà vợ sau. Hai người con trai của ông sau này đều nên người và đều qui mến cha.

..

## Đi khắp thế giới diễn thuyết.

Sau ngày 29 tháng 5 năm 1919, danh của Einstein nổi lên như cồn. Chính quyền Đức mời đầu cơ tinh cách dân chủ, ngỏ ý mời ông vô quốc tịch Đức để ủng hộ chế độ dân chủ, ông nề nếp, bỏ quốc tịch Thụy Sĩ, trở về quốc tịch Đức. Dân chúng trước kia không để ý gì tới thuyết tương đối, bây giờ nhao nhao lên đòi phô biến thuyết đó: từ các ông tông trưởng tới các phu mỏ, ai nấy đều hỏi nhau thuyết đó ra sao. Bọn con buôn nắm ngay lấy cơ hội, tung ra những nhãn hiệu « xi gà tương đối », « thuốc đánh răng tương đối »; trong câu chuyện từ ngữ « mọi cách tương đối » được dùng luôn miệng.

Một người Hoa Kỳ ở Paris đặt một giải thưởng năm ngàn Mỹ kim để tặng tác giả thiêng kháo luận nào hay nhất về thuyết đó, các nhà xuất bản đua nhau in các tập kháo luận đó, đa số viết sai bét, còn một số thì khó quá, chỉ một nhà toán học hạng giỏi mới hiểu nổi. Đề

thỏa mãn nhu cầu của đại chúng Einstein viết một cuốn cho những người trình độ trung bình biết khá về toán tức cuốn *Relativity: The Special and the General Theory* xuất bản năm 1921.

Trường đại học nào cũng mời ông lại diễn thuyết và buổi diễn thuyết nào cũng đông nghẹt, tới nỗi cảnh sát phải đứng chắn ở cửa, giữ trật tự. Ít ai hiểu được thuyết của ông, nhưng ai cũng muốn coi tướng mạo ông ra sao mà đoán trước được sự đi lệch đường của tia sáng. Đầu các hàng người lại chầu chực ở nhà ông để xin chữ ký. Nhiều trường đại học châu Âu mời ông lại dạy. Ông không còn được yên ổn làm việc nữa, nói với học giả Ratheneau, bạn thân mà cũng gốc Do Thái như ông:

— Tôi chỉ mới tìm được một nguyên tắc; tìm được nguyên tắc là nhận định được một cái gì đã có trước rồi, chứ có sáng tạo được gì đâu, mà sao thiên hạ hoan nghênh như vậy?

Mấy năm sau ông phải đi khắp nơi diễn thuyết, Hòa Lan, Áo, Hoa Kỳ. Tàu vừa cập bến New York, các nhà báo bu chung quanh ông:

— Thưa giáo sư, phải khắp thế giới chỉ có mười hai người hiểu thuyết tương đối?

Ông đáp:

— Tôi không bao giờ tuyên bố như vậy. Tôi đâu có muốn lập một thuyết chỉ để cho mười hai người hiểu nòi. Các nhà vật lý học đều hiểu thuyết đó, một số sinh viên của tôi cũng vậy.

Rồi một tay cầm chiếc ví cầm, một tay đeo vó,  
Ông bước xuống cầu thang.

Dân chúng New York đứng chật đường hoan hô  
ông, từ cửa sổ tung hoa giấy xuống đầu ông. Ông nói  
với bà :

— Tôi mình ý như một đoàn xiếc vậy. Anh cứ  
tưởng thiên hạ thích ngắm một con hươu cao cò hay một  
con voi hơn là một nhà vật lý học.

Khi người ta hỏi ông cảm tưởng về New York ra  
sao, ông đáp :

— Các bà các cô ở đây thích mỗi năm đổi một  
một lần. Năm nay có mới, là một tương đối.

Lần đó ông qua Mỹ là theo lời mời của Chaim Weizmann, một nhà bác học ái quốc Do Thái, sau làm  
tổng thống đầu tiên của quốc gia Do Thái. Ông diễn thuyết  
để lấy tiền giúp thành lập viện đại học Do Thái ở Pa-  
lestine. Ở Hàn lâm viện Quốc gia (National Academy) ông  
bảo : « Một người sau nhiều năm tìm tòi mà tình cờ kiếm  
ra được một ý, vốn được một chút mỉm cười của vũ  
trụ thì có gì đâu mà đáng được tán tụng. Sự thích thú  
khi tìm kiếm được đã đủ là phần thưởng cho người đó rồi ».

Ông thích tình thần lạc quan của người Hoa Kỳ  
nhưng chê họ ham tiền, ham vật chất quá, mà sao các  
vụ trộm cướp giết người nhiều thế.

Từ Mỹ ông bà trở về Anh, rồi Pháp, được gặp gần  
hết các nhà bác học danh tiếng nhất thế giới. Khi trở  
về Đức thì tình hình ở Đức bắt đầu xáo trộn dữ dội ; Đức

thất trận, bị Anh, Pháp bắt bồi thường những khoản quá nặng, dân chúng nghèo khổ, Đức kim mất giá kinh khủng, có những người hồi trước chiến tranh giữ địa vị quan trọng bây giờ phải đi ăn xin. Người ta đồ lối cho chính phủ Cộng Hòa và cho bọn Do Thái, và dân chúng bắt đầu bị Hitler thuyết phục.

Bạn thân của ông, Ratheneau, bị ám sát chỉ vì là Do Thái, và có người dọa rằng sau Ratheneau sẽ tới phiên ông, nên ông tránh, ít khi ra mặt trước công chúng và nắm ngay cơ hội để qua Trung Hoa, Nhật Bản diễn thuyết.

Ở Nhật, ông được hoan nghênh nhiệt liệt: Nhật hoàng coi ông là thượng khách, đặt ông bà đi coi vườn Thượng uyên trồng đầy cúc, còn dân chúng thì chen chúc nhau trước khách sạn, thức suốt đêm để đợi lúc ông xuất hiện trên ban-công. Ông cảm động, nhưng bức mình vì phải dự tiệc, bắt tay và tặng chữ ký. Chính trong khi ở Nhật, ông hay tin được giải thưởng Nobel.

Trên đường về châu Âu, ông ghé Palestine, Y Pha Nho.

• •

## Thuyết «champ unifié» chìa khóa của vũ trụ

Từ 1929, ông bắt đầu dùng hết tâm lực để dựng một thuyết mới nữa, thuyết «Champ unifié» (trường hợp

nhất). Suốt hai mươi năm, ngoài các công việc khác như diễn thuyết, dạy học, viết báo, hô hào tự do, hòa bình, sự hợp tác quốc tế... với một đức kiên nhẫn vô biên, ông cẩn cui làm không biết bao nhiêu bài toán, liệng vào giấy không biết bao tờ toán ông thấy là sai, để rán chứng minh thuyết đó. Có lần ông làm toán trên bảng đen, sau thấy là lầm, viết mấy chữ dặn thím giúp việc nhà: « Chùi giùm cho »; rồi ông di dời viết trên một tấm bảng bên cạnh :

*Nhưng đừng chửi hàng này :*

$$2 + 2 = 4$$

Mãi đến năm 1950, năm năm trước khi mất, ông mới công bố thuyết Champ unifié. Một nhà báo tìm cách xâm nhập được vào phòng làm việc của ông hỏi :

— Giáo sư có thể giảng được cho độc giả của chúng tôi hiểu được thế nào là thuyết champ unifié không ?

Ông ân hận lắc đầu :

— Trên nhật báo, chỉ những con số ở trang kinh tế tài chính là độc giả thích đọc thôi. Ông có thể cho độc giả của ông hay rằng khi thuyết champ unifié được áp dụng thì ít hao đến vô tuyễn điện hơn.

Sau ông giảng thêm trên tờ *New York Times* :

— Tôi muốn chứng minh rằng những sức hấp dẫn của vật với những sức điện từ (forces électromagnétiques) liên quan chặt chẽ với nhau chứ không tách biệt ra được. Tôi đã chứng minh được những luật chi phối hai loại sức căn bản đó.

Theo thuyết của ông thì những vật lý chỉ phổi nguyên tử nhỏ xíu cũng chỉ phổi cả các thiên thể mênh mông nữa, nghĩa là toàn thể vũ trụ, từ những vật vô cùng nhỏ tới những vật vô cùng lớn đều theo những luật chung. Hấp dẫn lực, điện từ lực, năng lực nguyên tử, đều bao gồm chung trong thuyết đó, nó là cái chìa khóa của cả vũ trụ. Ông mới dùng toán học mà dựng nên *lý thuyết champ unifié*, còn phải đợi sự xác nhận bằng những sự kiện vật lý, cũng như trước kia, thuyết tương đối đến năm 1919 mới được xác nhận trong khi ngâm nhặt thực. Nhưng ông tin chắc rằng thuyết ông đúng, mà vũ trụ quả là hòa hợp, hợp nhất, có một trật tự kỳ diệu.

Nếu ngày nào đó thuyết của ông được xác nhận thì khoa học lúc đó mới xáo trộn hết, phải giảng lại hết và nhân loại sẽ phải coi ông là bậc thần, chứ không phải người nữa.

\* \* \*

## Được đứng chung với các vị thánh

Ngày 14 tháng 3 năm 1923 là ngày lễ ngũ tuần của ông. Ông trốn Berlin từ mấy ngày trước để tránh các cuộc tiếp rước, chúc tụng, nhất là các cuộc phỏng vấn của nhà báo. Ông lại khu trại mênh mông của một người bạn trên bờ sông Havel nghỉ ngơi vài ngày: chơi vĩ cầm, nấu ăn lẩu, nhất là thả thuyền buồm trên dòng nước. Nhưng

cả trong những lúc tiêu khiển, óc ông cũng không quên các bài toán, khi tìm ra được một lối nào, là trở ngay về phòng giấy, hí hoáy làm lại.

Nhân dịp sinh nhật đó, các bạn thân của ông và một ngân hàng ở Berlin tặng ông một chiếc du thuyền rất đẹp, ông rưng rưng nước mắt, bảo: « Các bạn ấy mến tôi đến thế này ư ? »

Khi trở về Berlin, ông thấy phòng giấy đầy những thiếp chúc thọ và quà cáp của mọi hạng người ở khắp nơi, thư thuyền, sinh viên, các nhà bác học, thủ tướng Đức, vua Y Pha Nho, Hoàng Đế Nhật... Và vinh dự lớn nhất: viện Thiên-văn Vật-lý Potsdam ở gần Berlin đã dựng cho ông một tượng đồng gọi là Tháp Einstein.

Hội đồng thành phố Berlin muốn tặng ông một trại nhỏ ở ngoại ô, tại làng Caputh. Nhưng có một nhóm người phản đối, thủ tục kéo dài, ông viết thư từ chối.

— Thưa Ông Thủ trưởng, đời người ngắn ngủi quá mà nhà cầm quyền làm việc chậm chạp quá... Vậy tôi xin cảm ơn nhã ý cùng thịnh tình của ông. Ngày sinh nhật của tôi đã qua rồi, tôi không nhận vật tặng đó nữa.

Và ông phải bỏ tiền ra cất cho xong căn nhà ở Caputh vì đã lỡ làm giấy với chủ đất.

Năm 1929 đó là năm vui nhất của ông ở Berlin, mà năm đó cũng chính là năm kinh tế bắt đầu khủng hoảng ở Mỹ rồi lan qua châu Âu, tới khắp thế giới. Hoa Kỳ không thể cho Đức vay tiền kiến thiết được nữa, các xưởng máy, nhà buôn ở Đức nối tiếp nhau đóng cửa,

hàng mấy triệu người thất nghiệp, các ngân hàng bị phá sản. Dân chúng khốn khổ, bất bình, ủng hộ Hitler, đảng Quốc Xã phát triển rất mạnh, hô hào sự bạo động, diệt các tự do cá nhân, và tái võ trang.

Năm 1931, ông qua Mỹ hợp tác với các nhà bác học ở Viện Công-nghệ Californie. Trong khi ghé New York, ông được mời tới giáo đường Riverside Church để coi hình ông tạc trên một bức tường cùng với các vị thánh và ba nhà bác học khác vĩ đại nhất trong lịch sử nhân loại. Ông hỏi người đặt dẫn ông :

— Trong số các vị đó, phải chỉ có một mình tôi là còn sống không ?

Người đó đáp :

— Vâng. Cảm tưởng của giáo sư ra sao ?

— Tiến bộ lắm. Một giáo đường Ki-Tô mà tạc trọng một người Do Thái.

Nghĩa là ông mong rằng hết sự kỳ thị giữa hai tôn giáo, mà vinh dự ông được hưởng đó chính là vinh dự của cả dân tộc Do Thái chứ không phải của riêng ông.

Dĩ nhiên, ông buồn cho dân tộc ông bị đàn áp, phiêu bạt non hai ngàn năm, nhưng nếu là một dân tộc khác thì ông cũng xót xa như vậy. Ông không có tinh thần quốc gia nồng nhiệt như các người Do Thái khác, và khi có phong trào tập hợp các người Do Thái về Palestine để thành lập quốc gia Do Thái, thì ông tỏ vẻ lanh đạm.

Hiển nhiên là ông muốn vượt lên trên quan niệm quốc gia mà đề cao tinh thần quốc tế.

Một nhà báo có lần hỏi ông :

— Giáo sư có thấy sự liên lạc nào giữa sự vinh quang và quốc tịch không ?

Ông đáp :

— Tại sao khi nói tới các vĩ nhân thì người ta cứ nghĩ tới quốc tịch của họ. Một vĩ nhân Đức, một vĩ nhân Anh... cũng chỉ là con người thôi, không phân biệt người nước này, người nước khác.



## Đầu Einstein bị Hitler treo giá hai vạn Đức kim

Vì có tinh thần quốc tế đó, nên ông cực lực chống chiến tranh, rất khinh bợn quân nhân. Ông bảo :

« Thấy người nào thích thú xếp thành hàng ngũ, chen nhau bước theo tiếng nhạc, tôi khinh người đó liền.. Sao mà tôi thấy chiến tranh đê tiện, đáng khinh tài thế. Thà để cho người ta băm vằm tôi chứ không khi nào tôi dự vào những hành động bỉ ổi như vậy ».

Ngay từ đầu thế chiến thứ nhất, đương làm giáo sư ở Berlin ông đã can đảm chống chính quyền Đức. Ngày mùng 4 tháng 8 năm 1914, quân đội Đức, bất chấp luật quốc tế, qua xâm chiếm Bỉ, một nước trung lập. Muốn biện bạch cho hành động đó, vua Đức cho thảo sẵn một bản truyền ngôn, rồi yêu cầu các nhà văn, nhà bác học

và các nghệ sĩ ký tên vào. Hết thảy có 39 nhà ký tên, Einstein nhất định từ chối. Max Plank, bạn của ông, cảnh cáo ông:

— Anh sẽ bị coi là phản quốc đấy.

Ông đáp:

— Việc xâm chiếm Bỉ đó đáng phỉ nhão. Lời biện bạch trong bản tuyên ngôn đó lão toét. Tôi không thể nào ký tên được.

Bây giờ đây, thái độ hiểu chiến của Hitler còn đáng ngại, khả ố hơn nhiều. Ông tổ chức một nhóm quốc tế chống chiến tranh, viết thư cho các nhà bác học khắp thế giới đề nghị với họ nêu gương hợp tác hòa bình, đừng chế tạo các vũ khí và chất hóa học giết người. Ông buồn cho họ và có lẽ cũng cho ông — đã « để cho nhà cầm quyền khớp mỏ », « làm lính thì phải hy sinh tính mạng mình và diệt tính mạng người khác, dù mình tin chắc rằng một sự hy sinh như vậy rất vô lý », mà làm nhà khoa học thì « phải theo lệnh chánh phủ đặt làm mà tiếp tục tìm các phương tiện để tận diệt loài người ».

Nhưng chỉ có một số ít nhà hưởng ứng ông, như Paul Painlevé, Sigmund Freud, Rabindranath Tagore.

Về Đức năm 1931, ông lại tiếp tục hô hào chính sách hòa bình. Trong năm đó ông xuất bản một cuốn nhan đề là *Cosmic Religion* (Tôn giáo vũ trụ), chủ trương rằng vũ trụ là một toàn thể hợp nhất, có trật tự; mà người nào thấu triệt được cái trật tự của các biến cố tự nhiên thì không tin rằng có cái luật nhân ý hay thần ý nào khác cả. Ông bảo :

« Tôi tin có đấng Thượng Đế của Spinoza, đấng đó biểu hiện trong sự hòa hợp của vạn vật; chứ tôi không tin một đấng Thượng Đế săn sóc tới thân phận và những hành động của con người ».

Năm sau ông lại qua Mỹ hợp tác với các nhà bác học ở California. Ông đương ở đó thì hay tin Hitler lên cầm quyền. Ông tới New York cho viên đại sứ Đức hay rằng đấng Quốc Xã còn cầm quyền thì ông không muốn trở về Đức nữa. Viên đại sứ nói riêng với ông :

— Thưa giáo sư, lấy tư cách cá nhân chứ không phải tư cách đại sứ, thì tôi có thể nói rằng giáo sư tính như vậy là phải.

Mùa xuân năm sau ông về châu Âu, ngừng chân tại Bỉ, thuê một căn nhà ở trên bờ biển, gần Ostende. Ngoài những giờ làm việc ra, ông đi chơi, chuyện trò với dân làng, đôi khi với vua Albert và hoàng hậu. Giao thiệp với hạng vua chúa hay hạng bình dân, ông cũng rất tự nhiên, không phân biệt sang hèn.

Trong lúc đó, bọn Đức Quốc Xã in một cuốn album có hình tất cả những người họ muốn xử tử vì tội chống đối họ, hình Einstein ở trang đầu.

Bà Elsa bảo chồng :

— Em ngại cho mình quá.

Ông đáp :

— Thị họ giết anh là cùng chứ có thể làm gì anh hơn được nữa ?

Hitler ra lệnh tịch thu tất cả của cải Einstein ở Caputh, đốt hết các sách và bài báo ông đã viết tại công viên trước Hi viện Berlin. Một vài giáo sư ở Đức còn dạy về thuyết tương đối nhưng tuyệt nhiên không nhắc tới tên Einstein. Các nhà bác học như Plank, bạn thân của ông, trước đã giúp đỡ ông, bây giờ cũng vì sợ chết, theo bọn Quốc Xã mà mạt sát ông; chỉ có mỗi một nhà, Nerst, là can đảm bênh vực ông, bảo các bạn đồng sự: « Chúng ta đừng hèn nhát mà phục tùng sức mạnh ».

Ở Bỉ, không thể nghiên cứu gì được, lại hay tin Hitler đã treo giá cái đầu ông là hai vạn Đức kíl, ông cười bảo bà: « Giá cao nhỉ! », rồi dắt bà qua Anh, tại đó ông viết bài tố cáo chính sách tàn bạo, vô nhân đạo của Hitler và hô hào người Anh giúp đỡ người Đức tị nạn Quốc Xã. Bọn được lệnh ám sát ông cũng lén qua Anh và chính quyền Anh phải tăng cường đoàn hộ vệ ông.



## Qua Mỹ

Trừ Đức, còn khắp thế giới vẫn trọng ông, cơ lồ còn hơn trước nữa vì thái độ can đảm đó, Pháp, Anh, Ý Pha Nho đều mời ông dạy học; sau cùng ông quyết định qua Mỹ, nhận một chân giáo sư ở Princeton (New Jersey).

Vừa mới tới thị trấn đó, ông thay y phục, bận một bộ đồ cũ đi dạo mát, khoan khoái vì tinh thần không còn bị kích thích như mấy tháng trước nữa. Ông vô

tiệm mua một cây viết chì khi quay ra thì một đám sinh viên bao nghẹt lấy ông, cảnh sát phải tời tháo vông vây cho ông.

Ông hỏi viên cảnh sát :

— Làm sao họ biết tôi là ai?

— Ai mà không biết. Báo chí mấy ngày nay chỉ nhắc tới giáo sư thôi mà.

Hôm sau ông tới viện Đại học nằm giữa một khu rộng mấy mẫu, cây cao bóng mát. Viện đã dành cho ông một phòng riêng và hỏi ông cần những đồ đặc gì.

Ông đáp :

— Tôi chỉ cần một cái bàn, một cái ghế dựa. Phòng đã có sẵn bảng đen rồi (ông ngó khắp phòng rồi nói thêm). Với một cái giỏ giấy nứa để tôi liêng vào đó những bài toán sai.

— Giáo sư sẽ nghiên cứu về cái gì.

— Tôi muốn khai triển thuyết tương đối hẹp và tương đối tổng quát cho có liên lạc chặt chẽ với nhau hơn. Tôi mong tiếp tục công việc của tôi về quantum. Sau cùng, tôi ước ao gồm hết các hiện tượng vật lý vào chung một số công thức toán học, tìm được những luật chung chỉ phôi từ những proton, électron tới các vi tinh tú.

— Làm sao mà thế có như vậy được?

Einstein ôn tồn đáp :

— Nếu không có một sự hóa diệu thâm trầm trong vũ trụ thì không thể có khoa học được.

Vậy là Einstein tiếp tục suy tư về thuyết champ unifié như trên tôi đã nói.

Đời sống và điều kiện làm việc ở Princeton thật dễ chịu. Không khí tĩnh mịch, giáo sư ít nhưng ông nào cũng có thực tài, sinh viên nghiêm trang và được lựa kỹ.

Nhưng có lúc ông thấy ngượng vì ăn lương mà chẳng làm gì cả ngoài cái việc suy nghĩ. Ông cho rằng ít nhất cũng phải làm một công việc để sinh nhai; như triết gia Spinoza chẳng hạn, mài kính mỗi ngày mấy giờ kiếm đủ sống rồi mới viết lách. Ông đòi dạy học như các giáo sư khác, còn thì giờ mới nghiên cứu, như vậy mới thực là độc lập, khỏi tùy thuộc ai cả.

Nhưng rồi ông lại nói với môn đệ của ông là Leopold Infeld :

— Tôi muốn làm một việc tay chân, như đóng giày để kiếm ăn, mà chỉ coi môn vật lý là môn tiêu khiển, như vậy còn thú hơn là dạy vật lý.

Nhiều người cho ý tưởng đó thật lạ lùng, nhưng nếu suy nghĩ kỹ thì hiểu tâm lý ông: ông cho vật lý học là cái gì lớn lao, cao đẹp, không nên để cho cái hơi đồng làm cho nó mất thanh khiết.

Năm năm sau, dù kỳ hạn do luật định rồi, ông xin nhập tịch Hoa Kỳ. Cuối năm 1936, bà Elsa mất, từ đây ông sống non hai mươi năm gần như cô độc. Trong mấy chục năm bà lo hết việc nhà cửa, tiền nong cho ông, nhắc ông ăn hoặc bận thêm áo, che chở cho ông khỏi bị khách khứa, nhất là các nhà báo quấy rầy, lựa thư từ,

trả lời nhiều cuộc phỏng vấn thay ông, mỗi khi có kẻ tò mò muốn biết về lối sống của ông. Hai người con trai của ông lúc đó cũng đã qua Hoa Kỳ, có gia đình, nhưng ở xa ông. Cũng may còn một người con gái riêng của bà, cô Margot, ở lại săn sóc ông. Năm đó ông 57 tuổi.



## Bức thư lịch sử

Cuối tháng bảy năm 1939, hai vật lý gia Hung Gia Lợi Leo Szilard và Eugene Wigner, giáo sư ở Princeton, vẻ mặt lo lắng, lại kiểm Einstein lúc đó đương nghỉ mát ở Long Island, tỏ ý ngại rằng Đức Quốc Xã đương nghiên cứu chế tạo bom nguyên tử, nếu họ thành công thì chẳng những châu Âu mà khắp thế giới sẽ bị nằm dưới gót sắt của họ nếu không bị tiêu diệt.

Szilard bảo ông :

— Ông chịu viết thư cho tổng thống, thúc tổng thống lập một chương trình chế tạo bom nguyên tử không ?

Einstein thấy đề nghị đó táo bạo quá, ngồi im lặng một lát. Mới mấy năm trước đây, hờ hào các nhà bác học trên thế giới đứng chẽ tạo vũ khí tối tân để nhân loại giết nhau nứa, bây giờ làm sao có thể chấp nhận một đề nghị như vậy được, đâu có thể tiếp tay vào việc tàn sát nhân loại được. Nhưng rồi ông nghĩ lại : Hitler tất nhiên không thể có một chút lương tâm gì cả, và nếu

Đức chế tạo được bom nguyên tử trước Hoa Kỳ thì mới làm sao? Ông đáp :

— Tôi chưa bao giờ gặp Tổng thống, giả sử có viết thư thì cũng chẳng ích gì...

Wigner mỉm cười, bảo :

— Tổng thống quý ông làm, chỉ một mình ông là có thể làm cho Tổng thống lưu tâm tới vấn đề đó được thôi.

Ông nói :

— Tôi không khi nào tán thành cái ý dùng bom đó, trừ trường hợp bất khả kháng. Nhưng nếu Hoa Kỳ có được thứ bom đó mà làm cho Hitler phải suy nghĩ lại thì tôi sẽ gởi thư lên Tổng thống.

Einstein bèn đọc bằng tiếng Đức đại ý nội dung một bức thư cho một người giúp việc tên là Teller chép. Rồi Szilard theo những ý đó mà viết thành hai bức, một dài một ngắn, để Einstein lựa. Ông lựa bức dài rồi ký, chẳng thêm bớt gì cả. Bức thư đó như sau :

Albert Einstein  
Old Grove Road  
Nassau Point  
Peconic, Long Island  
Ngày 28.8.1939.

F.D. Roosevelt  
Tổng thống Hoa Kỳ  
Bach Öz:  
Washington D.C.

## Thura Tông thống.

Tôi đã được đọc bản thảo các công việc nghiên cứu mới đây của E. Fermi và L. Szilard và tôi tin rằng chất uranum có thể một ngày gần đây biến đổi thành một nguồn năng lực mới rất quan trọng. Theo tôi có vài khía cạnh của tình trạng đang cho chính quyền chú ý tới và nếu cần, phải hành động mau nã. Vì vậy tôi tự xét có bốn phán trình lên Tông thống thấy những sự kiện và những lời dặn dò dưới đây.

Do những công việc của Joliot ở Pháp, của Fermi và Szilard ở Hoa Kỳ bốn tháng gần đây, người ta thấy rằng có thể gây nên những phản ứng hạch tâm dây chuyền trong một khối uranum, những phản ứng đó có thể phát sinh được một sức mạnh vĩ đại và rất nhiều chất phóng xạ. Hiện nay gần như chắc chắn rằng sắp có thể đạt được kết quả đó.

Hiện tượng mới đó cũng làm cho người ta chế tạo được bom – và có thể chứ chưa thật chắc chắn rằng những thứ bom mới này cực kỳ mạnh, tại nỗi chỉ một trái bom chở trên một chiếc tàu, để nổ trong một hải cảng thì trọn hải cảng và một phần miền chung quanh sẽ tan tành. Nhưng có thể rằng những bom đó nặng quá không thể chở bằng máy bay được.

Hoa Kỳ chỉ có ít quặng uranum mà quặng lại rất xấu. Ở Gia Nã Đại, ở cựu<sup>(1)</sup> Tchécoslovaquie có quặng tốt, nhưng những mỏ uranum lớn nhất thì ở Congo thuộc Bỉ.

(1) Cựu, vì lúc đó Tchécoslovaquie đã bị Đức chiếm.

Xét tình trạng như vậy, Tổng thống có thể thấy rằng chính quyền nên tiếp xúc thường xuyên với nhóm vật lý gia ở Mỹ đương nghiên cứu các phản ứng dây chuyền. Có một cách là giao công việc đó cho một người được Tổng thống tin cậy và người đó sẽ tiếp xúc với các vật lý gia một cách không chính thức. Nhiệm vụ của người đó có thể là:

a/ Tiếp xúc với các cơ quan chính quyền, cho các cơ quan đó hay mọi sự phát triển sẽ thực hiện được, đề nghị với chính quyền những biện pháp cần thiết, và đặc biệt chú ý tới việc mua và dự trữ đều đẽo quặng uranium.

b/ Làm gấp công việc nghiên cứu hiện nay giao cho các phòng thí nghiệm tại các đại học mà ngân sách rất eo hẹp, phải tăng ngân sách cho họ; tiếp xúc với các tư nhân muốn trợ lực vào công việc đó, hoặc yêu cầu các phòng thí nghiệm kỹ nghệ hợp tác, nếu họ có đủ dụng cụ cần thiết.

Tôi hay tin rằng Đức đã cấm bán uranium đào được ở các mỏ Tchecoslovaquie mà họ đã chiếm được. Nếu chúng ta nhớ rằng viên thứ trưởng bộ ngoại giao Đức được biệt phái qua viện Kaiser Wilhelm ở Berlin, mà tại viện đó, người ta tiếp tục lại một phần công việc nghiên cứu về uranium, thi chúng ta hiểu được tại sao họ với cấm bán uranium như vậy.

Kính chúc Tổng thống...



## Nỗi ân hận của nhà khoa học

Bức thư đó là một tài liệu lịch sử quan trọng và sau này làm cho Einstein rất ân hận.

Trong thế chiến thứ nhì, mặc dầu vẫn nghiên cứu về thuyết «champ unifié», ông cũng không quên nỗi khổ của nhân loại. Ông thường dự những công cuộc từ thiện để giúp các trẻ em Anh tị nạn chiến tranh, giúp những nạn nhân trong vụ Nhật tấn công Trân-Châu-Cảng, khuyến khích mọi người mua phiếu quốc trái...

Khi Đức đầu hàng rồi, Hoa-Kỳ muốn thanh toán quân đội Nhật cho mau. Ông phản đối chủ trương thả bom nguyên tử xuống các thị-trấn Nhật. Ông gửi một bức thư nữa cho tổng thống Roosevelt, cho hay cái hại ghê gớm của bom nguyên tử và, để nghị mời người Nhật tới một miền hẻo lánh nào đó rồi cho ném bom nguyên tử để họ thấy sức tàn phá kinh khủng của thứ bom đó, mà sẽ đầu hàng. Nhưng bức thư đó vẫn còn nằm trên bàn của Roosevelt, khi ông này mất thính linh ngày 12.4.45. Chính quyền Hoa-Kỳ không nghe, thả hai trái bom xuống Hiroshima và Nagasaki.

Ngày 6.8.1945, ông dương nghỉ ngồi ở bờ hồ Saranac thì một phóng viên tờ New York Times lại kiểm ông cho hay rằng một trái bom nguyên tử mới thả xuống Hiroshima. Ông rầu rĩ bảo :

— Nước ta chưa đủ khôn đẽ sử dụng một nǎng lực như vậy (1).

Phóng viên nói tiếp mà có vẻ như cái máy, không tin điều mình nói :

— Trên sáu chục ngàn người chết. Vô số người sẽ chết nữa vì chất phóng xạ.

Einstein nghe nói mà choáng váng. Giá ông biết trước người ta dùng bom nguyên tử cách đó thì ông không gởi bức thư trên kia cho tổng thống Roosevelt. Ông viết trên tờ *Atlantic Monthly*, số 15-11 : « Tôi tự cho tôi là người gây ra sự giải phóng nguyên tử nǎng. Tôi chỉ dự vào việc đó một cách gián tiếp. Sự thực hồi đó tôi không ngờ rằng người ta thực hiện được cái đó trong đời tôi. Tôi tưởng mới chỉ dùng về lý thuyết thôi ».

Cho tới suốt đời, Einstein — và một nhà bác học nữa, Oppenheimer — ân hận về việc đó và lo lắng cho tương lai nhân loại, cho nên ông hằng hái chiến đấu cho hòa bình, hô hào các bạn bác học hãy hủy bỏ bom nguyên tử đi, chỉ dùng nguyên tử nǎng vào các mục tiêu hòa bình nếu không thì « văn minh nhân loại sẽ sụp đổ ».

Một ký giả hỏi ông nếu thế chiến thứ ba phát sinh thì người ta sẽ dùng vũ khí nào. Ông đáp :

(1) Sau này đô đốc Matsumoto cũng nói : « Chúng tôi đã định đầu hàng, không đợi Mỹ phải dùng bom nguyên tử. Tại sao họ còn thả thêm xuống Nagasaki làm chi. Bom nguyên tử ở trong tay họ như một con dao sắc ở trong tay một đứa bé hư hỏng ».

— Tôi không biết. Nhưng tôi có thể nói chắc rằng trong thế chiến thứ tư, nhân loại sẽ dùng đá để liệng nhau !

Ông viết một tập nhỏ nhan đề là *Only then shall we find courage* (Chỉ tới lúc đó chúng ta mới có đủ can đảm) trong đó ông bảo : « Chỉ khi nào lương tâm và trí óc của ta minh mẫn thì lúc đó chúng ta mới đủ can đảm để thắng nổi sợ nỗi ám ảnh thế giới ».

Ông thấy cần phải thành lập một ủy ban kiêm soát bom nguyên tử do đó ông chấp nhận ý của Bertrand Russell, một bạn thân của ông, rằng phải có một tổ chức quốc tế với một vũ lực mạnh mẽ thường bị (1). Có người hỏi ông như vậy không sợ chính quyền quốc tế đó độc tài sao, ông đáp :

— Sợ chứ, nhưng bom nguyên tử còn đáng sợ hơn



## Einstein cảnh cáo chúng ta

Còn kẻ thù chung là Đức, Nhật thì Nga, Mỹ, Anh còn liên minh với nhau ; khi Đức và Nhật sắp bị diệt, chiến tranh sắp tàn thì họ vội nghĩ ngay tới việc chia phần : hội nghị Yalta và hội nghị Potsdam là cái sỉ nhục

(1) Coi cuốn *Thế giới ngày nay và tương lai nhân loại* của Bertrand Russell, Nguyễn Hiển-Lê dịch; Cà Dao xuất bản.

của các cường quốc mà cũng là cái mầm gây họa cho khắp thế giới, hiện nay chưa dứt, biết bao nước như nước tiêu phải chịu tai họa, đau đớn nhất là Việt-Nam.

Nga đã ngoạm một phần lớn ở Đông Âu và Trung Âu nhưng vẫn chưa vừa lòng; Mỹ làm bá chủ hoàn cầu thì tất nhiên muốn giữ hoài địa vị đó, gầm ghè với Nga. Mỹ muốn giữ độc quyền nguyên tử, mà Nga thì muốn phá độc quyền đó, muốn đuổi kịp Mỹ.

Chiến tranh mới chấm dứt, Nga chưa có bom nguyên tử mà Einstein lại đòi kiểm soát vũ khí nguyên tử, nên nhiều người Mỹ ngờ ông là thân Nga. Sự thực ông không thân Nga. Có lần ông phục Lénine là hy sinh cho sự công bằng xã hội, nhưng ông không chấp nhận phương pháp của Lénine, còn Staline thì ông ghét lắm. Người ta sực nhớ rằng ông vốn là Do Thái, đã ba lần thay đổi quốc tịch, không có tinh thần quốc gia, nên đả kích ông dữ. Nhưng danh ông lớn quá, lòng ông chân thành quá, những lời vu oan ông không làm hại ông được.

Ông vẫn can đảm đề cao tự do, hòa bình, hợp tác quốc tế, và hai năm trước khi mất, trên báo *New York Times*, ông cảnh cáo dân Mỹ :

« Các nhà trí thức xứ này (Mỹ) phải đương đầu với một vấn đề rất nghiêm trọng. Các chính trị gia phản động đã âm mưu với nhau dọa dân chúng phải coi chừng một tai họa ngoại lai, để tiêm vào lòng dân chúng niềm ngờ mọi gắng sức tinh thần. Tới nay họ đã thành công; họ đương chuẩn bị diệt sự tự do giáo dục và làm

cho những kẻ nào không chịu phục tòng họ sẽ phải mất chức mà sẽ đói khổ.

« Thiếu số trí thức phải làm cách nào chống tai nạn đó ? Thực tâm tôi nghĩ rằng chỉ có cách là phản động theo chính sách bất hợp tác của Gandhi. Nhà trí thức nào bị mời tới một ủy ban điều tra thì phải từ chối không chịu bảo chứng, nghĩa là sẵn sàng vô khâm, sẵn sàng chịu nghèo đói, tóm lại sẵn sàng hy sinh sự an toàn của mình cho sự an toàn của văn hóa xứ này.

(...) « Nếu có đủ một số trí thức chịu liều thân như vậy họ sẽ thành công. Nếu không thì họ không đáng được hưởng gì hơn cái ách nô lệ người ta đương chuẩn bị cho họ ».

Sở dĩ Einstein phải lên tiếng như vậy là vì nước Mỹ vẫn tự hào là thành trì của tự do, tự nhận nhiệm vụ cầm đầu thế giới tự do, mà lại có biện pháp dùng một số trí thức làm mật vụ, điều tra về chính kiến, hoạt động của thanh niên, sinh viên, và những kẻ nào họ cho là khả nghi thì không được thu dụng trong các công sở (1).



## Đồng chí của Bertrand Russell

Năm 1950, ông soát lại những toán của ông về

(1) Ở Anh cũng vậy, có giáo sư Oxford làm mật vụ. Coi cuốn đã dẫn ở trên của Bertrand Russell.

thuyết «champ unifié», chưa được hoàn toàn thỏa mãn, nhưng thấy đã có thể tuyên bố được.

Năm 1952 sau khi Chaim Weizmann mất, Aba Eban, sứ thần Israel ở Hoa Kỳ được giao phó cho việc mời Ông làm Tổng thống Israel, Ông từ chối, biết rằng mình không có tài làm chính trị.

Ông giống Spinoza hơn là giống Leibnitz. Spinoza mài kính để mưu sinh, không phải tùy thuộc ai, mà có thể tự do suy tư về triết lý, còn Leibnitz thì làm cố vấn cho các vua chúa, trước sau viết tới 15.000 bức thư có tính cách chính trị. Einstein không bao giờ làm cố vấn cho một nhà cầm quyền nào, sở dĩ viết bao, diễn thuyết, viết thư cho các bạn bác học, gia nhập các ủy ban hòa hảo hòa bình, chống bom nguyên tử, chỉ là do lòng yêu nhân loại, muốn bảo tồn những giá trị cao quý nhất của nhân loại.

Cũng như Bertrand Russell, Ông ghét nhất chiến tranh và chính sách chỉ huy tư tưởng, chính kiến của cá nhân.

Lần đó, trước thế chiến thứ nhì, hai Ông bà lại tòa Đại sứ Mỹ ở Đức để làm nốt mấy thủ tục xin giấy thông hành. Một nhân viên tra vấn Ông :

— Chính kiến của Ông ra sao?

Ông ôn tồn đáp :

— Tôi không có chính kiến nào cả.

— Ông có ở trong một nhóm nào không?

— Cô, nhóm người chống chiến tranh,

— Những người đó là ai ?

Ông nodd nồng lên, đáp :

— Các bạn tôi. Nhưng tôi không hiểu tại sao ông lại hỏi tôi những câu đó.

Rồi ông đưa mắt nhìn bà. Bà hiểu ý, lượm chiếc nón và chiếc áo khoác ở trên một chiếc ghế dựa.

— Nếu bị tra vấn như vậy thi thôi tôi không qua Mỹ nữa.

Ông khoác áo, bước ra. Ra tới khỏi cửa, ông hết giận, bảo bà : « Anh chàng đó có lẽ chỉ tuân lệnh trên thôi » (1).

Hôm sau điện tín tới tấp bay lại nhà ông, « xin ông bỏ qua cho sự ngu xuẩn của một số công chức ». Và một nhân viên tòa đại sứ Mỹ mang tờ thông hành lại tận nhà cho ông.



## Vài nét về đời tư của Einstein

Ông dậy vào lúc tám giờ sáng, chơi đàn piano một lát, tắm rửa xong, ăn điểm tâm, rồi nhồi một ống điếu, vô phòng làm việc.

(1) Chép theo Nouveaux Horizons ; bản Seghers hơi khác.

Nhiều người thường hỏi ông làm việc mấy giờ một ngày. Ông không biết trả lời ra sao. Ông hỏi lại những người khác làm việc bao nhiêu giờ một ngày. Người ta đáp : Tám hay chín giờ. Ông nhún vai : « Tôi không thể làm việc nhiều như vậy được. Mỗi ngày tôi chỉ làm bốn, năm giờ thôi. Tôi ngại rằng tôi không siêng năng lắm ». Làm việc đối với ông là suy nghĩ, là làm toán. Ông nói vậy chờ sự thực, óc ông không lúc nào được nghỉ ngơi. Cho nên cả những ngày chủ nhật, đương lúc ông thả thuyền buồm, hễ nghĩ ra một ý nào, ông cũng trở vội làm việc liền.

Có người hỏi ông :

- Chủ-nhật giáo sư cũng làm việc sao ? Ông đáp :
- Chính thương-de cũng làm việc ngày chủ nhật kia mà.

Một lần Philippe Frank và ông rủ nhau đi thăm viện Thiên văn-vật lý Potsdam, hẹn đợi nhau ở một chiếc cầu nào đó. Frank không biết đường phố Berlin, sợ tối trễ. Einstein bảo : « Ông tới trễ thì tôi đứng đó đợi ông chứ có gì đâu », Frank bảo như vậy làm mất thì giờ của ông. Ông đáp : « Công việc của tôi làm ở đâu mà chẳng được. Tại sao đứng ở cầu thì tôi lại không suy nghĩ về các vấn đề của tôi như ở nhà tôi được ? ».

Trong khi làm việc ông không ngại bị người khác quấy rầy. Một bọn sinh viên sau giờ học, hỏi ông :

- Xin thày cho chúng con biết giờ nào thày làm việc ở nhà.

Ông đáp :

- Ban ngày, các anh tới giờ nào cũng được.
- Như vậy chúng con sợ làm ngưng công việc của thày chứ.
- Có ngưng lại một chút đấy. Nhưng các anh về rồi thi tôi lại làm việc.

Tư tưởng của ông như một dòng nước chảy xiết. Liệng một hòn đá xuống, nước tõe lên rồi lại tiếp tục chảy.

Nhưng ông sợ nhất là người trộm mang thư lại. Có lần ông bảo: « Kẻ thù đáng ghê nhất của tôi đấy. Không làm sao tránh khỏi nhanh vuốt của chú ấy được ».

Là vì thư từ của mọi hạng người từ khắp nơi trên thế giới gửi tôi nhà ông hàng chồng mỗi ngày. Bà Elsa phải lựa trước liệng một số lớn đi, tự trả lời một số khác, chỉ giữ lại một số ít đưa ông đọc. Thực là một cực hình đối với ông. « Ban đêm tôi nằm mê thấy tôi bị thiêu ở dưới âm ti, mà tên quỉ sứ hành hình tôi đó chính là chú trộm đưa thư ». Nội cái việc đọc thư và trả lời đó nuốt của ông mất mấy giờ mỗi ngày rồi.



## Giản dị . . .

Ông sống cực kỳ giản dị.

Hồi về già, ông được nhiều người coi như một nhân vật trong huyền thoại vì không tưởng tượng được

làm sao ông chỉ nhờ suy tư mà tìm được những luật thiên nhiên rất màu nhiệm rồi chỉ dùng cây bút, chứ không cần có phòng thí nghiệm mà chúng thực được những luật đó. Một nữ sinh có lần viết thư cho ông, bảo : « Con viết thư cho cụ chỉ để xem cụ có thực không ».

Nhưng ai đã gần ông đều thấy ông rất dễ thương « tới nỗi muốn ôm lấy ông, xiết tay ông, hoặc vỗ nhẹ vào lưng ông... mà đồng thời vẫn trọng ông vô cùng ».

Một nét đặc biệt của ông là mớ tóc bù xù, không khi nào chải, ngay từ hồi ông còn trẻ, và về già thì có lẽ cả năm không hớt. Ở trong nhà, ông chỉ mặc chiếc áo cát ấm bằng len hay bằng da; đi dự lễ thì mặc bộ đồ «complet» chứ không chịu mặc « smoking » (lê phục), ngay cả lần lãnh giải Nobel cũng vậy.

Chỉ mỗi một lần — đúng hơn là hai lần — ông chịu mặc một đồng phục. Năm 1910, ông được vời làm giáo sư đại học Prague. Theo lệ, giáo sư nào ở Áo cũng phải mặc một đồng phục tựa như đồng phục của sĩ quan hải quân : mũ ba sừng cắm lông chim, áo quần có nẹp kim tuyến, gươm đeo bên sườn, để làm lễ tuyên thệ nhậm chức. Ông may bộ đồ đó, mặc một lần trong buổi lễ, sau bán lại cho giáo sư Frank. Nhưng trước khi bán, cậu Hans, con lớn của ông, bảo :

— Khoan đã ba, ba bạn bộ đồ đó, dắt con đi chơi đã.

Ông hiểu ý ; cậu muốn khoe với bạn trong khu phố, rằng ba cậu « rất oai ».

Bà Mileva can :

— Thiên hạ sẽ nghĩ sao đây ?

Ông đáp :

— Sẽ tưởng anh là một vị đỗ đốc Brésil.

Rồi ông bận bộ đồ, dắt con đi chơi, chiếc gươm đeo bên sườn, dài quá, có khi làm cho ông vấp.

Qui tắc của ông là hạn chế nhu cầu để được tự do thêm, bớt tùy thuộc tha nhân và ngoại vật. Ông bảo : « Chúng ta là nô lệ cho cả triệu cái, mà cứ mỗi ngày mỗi nô lệ thêm . . . Nô lệ cho phòng tắm, tủ lạnh, xe hơi, máy thu thanh . . . ».

Ông để tóc dài cho bớt lệ thuộc người hót tóc, chỉ dùng một thứ xà bông để giặt, tắm, gội đầu, chỉ bận một chiếc áo cùt bằng da trong mấy năm, muốn bỏ cả vớ nữa. Vì vậy mà nhiều bạn đồng sự cho ông là kỳ cục.



## ... Mà hồn nhiên

Ông rất hồn nhiên, yêu trẻ và thanh niên.

Hồi ở Princeton, một đêm Noel, một đám trẻ con trai gái lại hát trên bồn cỏ trong vườn ông. Ông nghe xong rồi hỏi các em :

— Các cháu có chịu bắc ôm cây vĩ cầm di theo các cháu không ?

Chúng đồng thanh đáp :

— Chịu, chịu.

Thế là ông khoác thêm chiếc áo bằng da, chụp cái mũ nồi lên đầu, xách cây vĩ cầm nhập bọn với chúng. Có một vĩ nhân nào dễ thương như vậy không?

Trẻ em mà lại thăm ông thì ông bao giờ cũng vui vẻ tiếp đón. Một hôm một em gái nhỏ lại xin ông giải cho một bài toán. Khi em ra về rồi, bà trách ông :

— Nhiều khi mình coi thi giờ của mình không quan trọng gì cả.

Ông mỉm cười, đáp :

— Em ấy sẽ trả công anh một cách xứng đáng, lấy tiền túi ra mua cho anh cục kem

Một em gái khác táo bạo hơn, hễ gặp bài toán nào khó cũng lại xin ông già cho. Má em hay vậy, lại xin lỗi ông. Ông bảo :

— Bà và cháu khỏi phải xin lỗi tôi. Tôi nói chuyện với cháu, có lợi cho tôi hơn là có lợi cho cháu.

Một nam sinh trung học, trình độ đệ lục của ta viết thư xin ông giải cho một bài toán về đường tiếp xúc với một hình tròn. Ông vẽ hình, chứng minh cho, rồi ký tên : A.E. gửi cho.

Những sinh viên được học ông đều quý mến ông. Hans Tanner, môn đệ của ông từ 1911, viết về ông như sau :

« Khi thầy Einstein lần đầu tiên vô giảng đường, áo

sòn, quần ~~og~~ ngắn quá) chiếc dây đồng hồ bằng sắt, anh em chúng tôi hoài nghi quá.

«Nhưng cách giảng của thầy làm cho tấm lòng sắt đá của chúng tôi phải cảm động. Thầy chỉ ghi những điểm quan trọng trên một miếng giấy nhỏ bằng tấm danh thiếp. Bài giảng từ trong óc thầy trực tiếp phát ra, thành thử chúng tôi biết cách thầy suy nghĩ ra sao, như vậy thích thú hơn là những bài giảng đã nghĩ sẵn, gọn, không có lỗi hành văn của các thầy khác (...) Mỗi khi không hiểu một điểm nào thì chúng tôi có thể ngắt lời thầy được (...) Bởi khi thầy thản tình, thảng thẩn nắm lấy cánh tay của một sinh viên để giảng cho một điểm trong bài, như nói chuyện với một người bạn».

Buổi chiều, tan giờ học, Einstein thường hỏi: «Nào có ai muốn ra tiệm cà-phê với tôi không nào?» Thì là thầy trò kéo nhau ra tiệm, vừa đi vừa bàn về các vấn đề khoa học hoặc xã hội. Có lần thầy trò ngồi với nhau tôi khi tiệm cà phê sắp đóng cửa mà vẫn chưa hết chuyện, thầy kéo trò về nhà nói chuyện tiếp.

Ông thường khuyên môn đệ của ông phải kiên nhẫn, kiên nhẫn, nếu tìm lỗi, suy nghĩ hoài mà không ra thì cũng nên mừng vì «đã bắt thiên nhiên phải thách đố mình rồi». Một sinh viên phản nản rằng mất năm giờ mới tìm ra được một chỗ lầm trong bài toán, ông mỉm cười bảo: «Đã thấm gì đâu».

Ông thú thực với một nhà báo: «Tôi suy nghĩ, suy nghĩ cả tháng, cả năm. Một trăm lần thì tôi suy luận sai tới chín mươi chín lần. Tôi lần thứ một trăm may mà đúng».

Nhà báo đó hỏi thêm :

— Theo giáo sư thì có công thức nào để thành công?

Ông hóm hỉnh đáp :

— Cho  $x$  là sự làm việc,  $y$  là sự tiêu khiển,  $a$  là sự thành công. Công thức của tôi là  $a = x + y + z$ .

Nhà báo ngạc nhiên :

— Thế còn  $z$  là gì?

Ông mỉm cười.

— Là biết làm thịnh.



## ... Và nhũn nhặn, ghét quảng cáo

Một đức nữa cũng rất quý của ông là đức nhũn nhặn. Như trên tôi đã nói, ông không chịu nhận rằng có công lớn với nhân loại, thấy ai so sánh ông với Gandhi thì ông phát ngượng vì ông thực tâm nghĩ rằng khoa học không có giá trị gì lớn lăm khi phải giải quyết các vấn đề nhân bản; con người chỉ tìm ý nghĩa chân chính của cuộc đời khi hy sinh cho xã hội như Gandhi. Ông rất phục Gandhi, bảo các thế hệ sau này khó mà tin được rằng Gandhi đã sống trên trái đất.

Ông muốn không ai nhắc tới mình để được yên ổn làm việc nhưng không được. Ông nhận được mấy trăm bằng cấp danh dự và huy chương (mà ông không khi nào

đeo); phải dự không biết bao nhiêu là cuộc tiếp rước, hội họp, ông lấy làm ngán lầm. Một lần ông trách bà Elsa :

— Tại sao mình nhân lời dự buổi hội họp mà không hỏi ý anh trước? Anh không ưa cái chỗ đó: xa xỉ, khoe khoang quá.

Lần khác, đi đâu về nhà thấy khách khứa đầy nhà ông phụng phịu bão b.yahoo:

— Anh di chỗ khác thoi, nơi đây đông người quá.

Ngày sinh nhật ông bảy mươi bốn tuổi, đại học đường Yeschiva đã xin phép ông lấy tên đặt cho trường Y khoa, tổ chức một buổi tiệc để quyên tiền cho trường, ông bắt buộc phải tới dự. Ông chẳng ăn uống gì cả, cuối bữa tiệc một người hỏi ông các món có ngon không. Ông đáp :

— Rất ngon, nhưng xong rồi, tôi thấy mừng quá.

Trong một buổi hội họp khác đã có nhiều người diễn thuyết rồi tới phiên ông. Ông ghét những lời rỗng, sáo, « xin được kéo một khúc vĩ cầm mà khỏi đọc diễn văn, như vậy chir vì sẽ dễ hiểu tôi hơn mà mến tôi hơn ». Và ông chơi một bản nhạc của Mozart, một cách rất tự nhiên, cảm động.

Biết ông ham chơi vĩ cầm, một người tặng ông một chiếc vĩ cầm đáng giá cả chục ngàn Mỹ kim do Guarneri chế tạo. Ông từ chối :

— Cây đàn quá như vậy, phải là nhạc sĩ bậc thầy mới đáng dùng nó.

Không bao giờ ông quan tâm tới tiền nong. Khi đại học Princeton mời ông làm giáo sư, xin ông định cho số lương. Ông lúng túng :

— Tôi không biết nữa, ba ngàn Mỹ kim một năm được không ông ?

Người kia biết rằng ông chẳng không hiểu chút gì về giá sinh hoạt ở Mỹ, tưởng đâu cũng như ở Đức, Thụy Sĩ, vội vàng bảo :

— Thôi, vẫn đề đó để bà giáo sư và chúng tôi bàn với nhau, ba ngàn Mỹ kim thì làm sao đủ sống.

Các nhà báo lại phỏng vấn ông về đời tư của ông thì ông luôn luôn từ chối : «Trong đời một người như tôi chỉ suy nghĩ, tin tôi, thì cái quan trọng nhất là tôi suy nghĩ về những vấn đề gì chứ không phải là tôi làm những gì, đau khổ ra sao ».

Và ông rất ghét các nhà giám đốc ở Hollywood muốn lợi dụng danh tiếng của ông để trực lợi. Khi ông công bố thuyết «champ unifié», một nhà sản xuất phim nọ đề nghị với ông một số tiền vĩ đại, mà chỉ xin ông cầm cục phẩn đứng trước bảng đen vài phút thôi. Ông bảo bà :

— Anh không chịu đóng cái vai trò con khủ thông thái đâu.

Nhiều nhà sản xuất xe hơi, khi cho ra một kiểu mới, xin tặng ông một chiếc có ý quảng cáo, ông cũng từ chối hết.



## Thích giúp người

Nhưng thấy ai đáng giúp thì không khi nào ông tiếc công.

Một lần, để giúp trong một cuộc quyên tiền của một cơ quan nào đó, ông chép tay lại bài báo ông viết về thuyết tương đối mà ông đã đăng từ lâu. Bản chép tay đó mua với giá mấy triệu Mỹ kim.

Khi bà Elsa mất rồi, cô Margot, con riêng của bà và cô Dukas, thư ký của ông, thay phiên nhau che chở ông cho khỏi bị khách quấy rầy.

Một hôm đi chơi về, ông thấy một phóng viên đứng đợi ông trước cửa. Nhà báo đó chào ông rồi thưa :

— Cô thư ký của cụ cầm không cho tôi vở, nhưng nếu tôi không nộp cho tòa soạn được một bài về cụ thì người ta không nhận cho tôi làm.

Thấy thanh niên đó nghèo túng lạn run, quần áo đã sờn mà không đủ ấm ông bảo :

— Thày vở đi, tôi cho thày phỏng vấn. (Ông nhăn mặt, nói thêm). Nhưng nên mau mau lên kéo cô Dukas bắt gặp thày ở đây.

Khi cô Dukas trách ông đã phí thời giờ, ông ôn tồn đáp :

— Làm sao được, thày ấy gốc gác ở Ulm, người đồng hương của tôi mà.

Trước thế chiến thứ nhì, hồi ông còn ở Berlin, một

thanh niên tên là Leopold Infeld vč mјt xanh xao, lјi kićm ống, thura :

— Lјm mјt thì giờ cјa giáo sư, tјi ngại lјm, nhung Ở Berlin nјy tјi không quen biết ai cả. Tôi . . .

Thầy chàng cđ vč thông minh, hăng hái, ông bảo chàng cđ điều gđ muốn nhờ cậy thì cứ nói.

Infeld kđ tinh cảnh: con một người thợ đóng giày nghèo Ở Cracovie, Ba-Lan, chỉ trc ao đđc làm giáo sư vật lý; nhung khđng trường Đại học Ba-Lan nào nhận vì chàng gốc Do-Thái; qua Berlin, xin vđ đại học mà đơn khđng đđc xét.

Ôag nói giúp chàng và chàng đđc vđ học thử.

Sau Infeld cđng tị nạn Đức Quđc-Xã, cđng qua Mỹ, lại Princeton, đđc cấp học bđồng trong một năm, đđe làm phụ tá cho ông. Học bđồng khđng đđc tái cấp, chàng lúng túng, nhung khđng chịu nhận tiền của ông. Một hôm chàng lại thura với ông:

— Thura thày, con đđã nghĩ ra đđc một cách . . .  
Xin thày đừng chđ con là tự phđ, ngu ngđc . . .

— Cách gđ đó, nói đi.

Chàng ngương nghiu đđe nghị :

— Cách này đđây: thày và con viết chung một cuốn vč sự phát triển của môn vật lý. Ý là ý của thày nhung con sđ trình bày cho giản dị.

Einstein vuốt râu, rồi đưa tay cho Infeld bắt:

— Được đđấy, chúng mình sđ viết cuốn đó.

Ít tháng sau, trước ngày lễ Lao động năm 1937, Einstein và Infeld gởi bản thảo cuốn *The Evolution of Physics* (Sự Tiến triển của Khoa Vật lý) cho nhà xuất bản Simon and Schuster. Trong bài tựa có câu:

«Cuốn sách này chỉ là một cuộc đàm thoại giữa độc giả và chúng tôi. Độc giả có thể cho nó là chán hay thích thú, nhưng nếu nó giúp độc giả có được vài ý niệm về sự gắng sức bất tuyệt của trí óc con người để hiểu rõ hơn những luật chỉ phôi các hiện tượng vật lý, thì mục đích của chúng tôi đã đạt được rồi.

Cuốn đó xuất bản năm 1938, bán rất chạy, khắp nơi trên thế giới đều hỏi mua, chính nhà xuất bản cũng ngạc nhiên.

Einstein góp nhiều công trong cuốn đó, nhưng khi bản thảo viết xong rồi, ông không nghĩ tới nó nữa, muốn in ra sao thi in, ông cũng chẳng buồn ngó ăn cỏ. Infeld phải nói dối nhà xuất bản rằng ông thích cách trình bày lǎm. Sự thực, sách tới, ông không mở ra coi nữa.

Nhưng ông phải để tặng không biết bao nhiêu bản, tới nỗi hễ trông thấy cuốn sách nào có bìa xanh dương là ông «chụp ngay cây viết, như một cái máy» (lời của ông).



## Tư tưởng của Einstein.

Tôi thấy ít có nhà khoa học hiện đại mà tinh thần quân bình như Einstein. Ông chuyên về toán và vật lý nhưng cũng biết yêu nghệ thuật như âm nhạc, văn chương — trên tôi đã nói ông phục Mozart, Bach, Schiller, Goethe — lại thường đọc các triết gia như Spinoza, Schopenhauer, Nietzsche « để biết chứ không nhất thiết theo chủ trương của họ ». Hồi nhỏ ông không ưa các môn cổ ngữ La, Hi, nhưng lớn lên ông thấy môn cổ học có lợi cho sự đào tạo tâm hồn con người. Nhờ vậy ông có một nhân sinh quan cao đẹp.

Trong phần sau, tôi sẽ trích và dịch thoát một ít văn của ông, lựa trong cuốn *Ideas and opinions* — Albert Einstein — Crown Publishers — N.Y. 1954, và cuốn *Einstein et la relativité*, Seghers-1961. Tôi sẽ bỏ những bài thuần túy về khoa học mà chỉ các nhà toán học mới hiểu nỗi.

Dưới đây tôi xin giới thiệu nhân sinh quan của ông. Ông không hề thắc mắc về mục đích của đời sống; ngay từ hồi trẻ, ông đã chủ trương rằng sống thì phải phục vụ cái thiện, cái mỹ và cái chân; nếu chỉ lo kiếm tiền và hưởng lạc thì thứ lý tưởng đó ông gọi là lý tưởng của con heo.

Ông đặt cái thiện (đạo đức) lên trên cái chân (khoa học). Mặc dầu là nhà khoa học, ông nhận rằng:

« Lý trí không thể dắt dẫn ta được, chỉ có thể phục vụ ta thôi. (...) Trí năng rất tinh mắt khi tim

*phương pháp và phương tiện, nhưng nó lại đòi hỏi nhận định mục tiêu và giá trị».*

Mà mục tiêu của chúng ta là phải dựng nên được một cộng đồng gồm những người bình đẳng, tự do và sung sướng.

Vì vậy ông chiến đấu cho tự do. Quan niệm về tự do của ông sâu sắc. Theo ông, những tự do cá nhân dành là cần thiết rồi, nhưng chỉ là ngoại diện; cần có tự do nội tâm nữa, nghĩa là con người cần «giữ cho tư tưởng của mình được độc lập đối với những hạn chế do thành kiến xã hội, đối với thủ tục và các thói quen»; muốn vậy mỗi người phải được đủ ăn, có thi giờ nhàn rỗi để trau giồi tri thức, đạo đức, và phải được dạy dỗ từ hồi nhỏ theo một tinh thần khác tinh thần trong các học đường ngày nay, nghĩa là không bị nhồi sọ mà được tập suy tư một cách độc lập.

Ông lại chiến đấu cho sự bình đẳng xã hội và kinh tế. Ông bảo :

*«Chúng ta bao lâu nay vẫn không tìm được những giải pháp thích hợp với cuộc xung đột chính trị và các tình trạng khẩn trương kinh tế (...). Cố lẽ sự tương phản về quyền lợi kinh tế giữa các cá nhân, giữa các dân tộc là nguyên nhân lớn gây ra tình trạng nguy hiểm, đáng lo ngại hiện nay trên thế giới».*

Ông cực lực chống chiến tranh, như chúng ta đã biết, và như Bertrand Russell, ông đề nghị thành lập một tổ

chức siêu-quốc-gia, nắm quyền tối cao về kinh tế và vũ bị. Bao nhiêu vũ khí nguyên tử giao cho tờ chức đó hết, như vậy mới tránh được nạn tiêu diệt nhân loại. Ông không nói rõ ra, nhưng chắc ông cũng nghĩ rằng những nguồn lợi thiên nhiên trên thế giới phải là của chung của mọi dân tộc, như vậy mới có sự bình đẳng.

Theo ông, bất kỳ người nào cũng phải giúp vào sự thực hiện tờ chức đó bằng cách truyền bá những tư tưởng hòa bình, nhân đạo, phải buộc các ứng cử viên vô quốc hội... đại diện cho mình, một khi trúng cử sẽ hoạt động cho trật tự thế giới.

Riêng các nhà bác học có nhiệm vụ quan trọng hơn : phải cảnh cáo chính quyền, chống chính quyền bằng đường lối bất hợp tác của Gandhi, mỗi khi chính quyền tỏ ra độc tài, hiếu chiến. Ông cho rằng sở dĩ các chính quyền thời nay có sức đàn áp quần chúng kinh khủng, chính là do các nhà bác học đã trực tiếp hoặc gián tiếp tạo các phương tiện đàn áp cho bọn cầm quyền.

Lời buộc tội của ông chắc làm cho rất nhiều nhà bác học xấu hổ. Người ta khen «đức độ của ông còn rực rỡ hơn thiên tài của ông» là phải. Ông chẳng những dũng làm gương cho chúng ta, mà còn đáng làm bậc thầy cho tất cả các nhà bác học trên thế giới nữa.



## Triết nhân Einstein

Thái độ của ông đối với lẽ sinh tử y như thái độ của các triết gia thời cổ.

Ngay từ 1916, một lần ông đau nặng, tưởng không qua khỏi, ông đã bảo một bà bạn:

— Tôi tự coi tôi là một phần tử của tất cả những gì sống trong vũ trụ; sinh và tử chỉ như thủy trào lên xuống nên tôi không quan tâm tới khởi thủy và chung cục của mỗi đời sống.

Lần khác ông nói với môn sinh của ông là Infeld:

— Đời sống là một cảnh tượng say mê. Tôi thích nó. Nó tuyệt diệu. Nhưng nếu tôi biết trước rằng ba giờ nữa tôi sẽ chết thì tôi cũng tuyệt nhiên không xúc động. Tôi sẽ nghĩ cách dùng ba giờ cuối cùng đó ra sao cho có ích nhất, tôi sẽ bình tĩnh, sắp đặt các giấy má của tôi, rồi tôi bình tâm nằm xuống.

Các khoa học gia chân chính sao mà gần gũi các triết gia thế. Khi suy tư mấy chục năm về thiên nhiên thì dù theo con đường nào, rõ cuộc người ta cũng đồng hóa với vũ trụ.

Ngày 13 tháng 4 năm 1955, ông đau nhói dữ dội ở đại động mạch quản (aorte). Các y sĩ đói mồ, ông không chịu. Một giờ rưỡi sáng ngày 18-4 ông nghẹt thở, thi thào mấy lời bằng tiếng Đức mà cô y tá không hiểu. Rồi ông tắt nghỉ.

Theo di chúc, không có một lễ long trọng nào của chính quyền, cũng không làm lễ tôn giáo. Di hài ông được hỏa thiêu, chỉ có vài người cực thân tới dự, vì giờ và chỗ thiêu được hoàn toàn giữ kín (<sup>1</sup>). Vốn là tro bụi, Einstein lại sớm trở về với tro bụi. Trước ông chưa có đám tang một vĩ nhân nào mà giản dị, khiêm tốn tới mức đó mà sau ông cũng chỉ mới thấy có đám tang của Bertrand Russell (<sup>2</sup>). Cả khi chết rồi, ông cũng còn cho nhân loại một bài học nữa.

Toàn thế giới xúc động. Báo nào cũng loan tin. Điều vẫn rất nhiều, nhưng tôi không chép lại vì trước cái chết của những người như Ganhdi, Einstein, tôi thấy lời điều nào cũng là vô nghĩa hết.

Saigon 1 - 10 - 1970.



---

(1) Trước đó, có lần ông bảo : «Tang lễ tự nó, chẳng nghĩa gì cả (...) Chăm lo tang lễ chẳng khác gì lo việc đánh giày, chỉ để cho không ai có thể chê mình rằng đi giày dơ ».

(2) Coi cuốn *Thế giới ngày nay và tương lai nhân loại* của Bertrand Russell — Ca Dao xuất bản, và cuốn *Bertrand Russell chiến sĩ tự do và hòa bình* — Lửa Thiêng xuất bản, cùng một tác giả.

Đám tang của Mozart, nhạc sĩ mà Einstein thích nhất cũng chỉ có một số rất ít người đi đưa, nhưng hoàn cảnh khác hẳn ; tình đời bạc bẽo, bao nhiêu người trước kia ngưỡng mộ Mozart lúc đó quên Mozart và ngay mấy người đi đưa đám, giữa đường gặp bão tố, cũng bỏ về hết, chỉ còn trơ hai người phu khiêng quan tài tới huyệt.

*PHẦN II*

**TRÍCH VĂN**

## A.- TẠP VĂN

### MỤC ĐÍCH ĐỜI NGƯỜI.

Thời đại chúng ta tự hào rằng đã thực hiện được nhiều tần bộ về sự phát triển trí tuệ. Sự gắng sức tìm tòi để đạt được chân lý và tri thức là đức cao quý nhất của con người — mặc dầu nhiều khi những kẻ ít gắng sức nhất lại khoa trương ồn ào nhất. Và nhất định là chúng ta phải ráng đừng thờ trí năng như thờ thượng đế; nó có những bắp thịt mạnh thật đấy, nhưng nó không có tư cách. Nó không thể dắt dẫn ta được, chỉ có thể phục vụ ta thôi, mà khi nó cần lựa một hướng đạo thì nó cũng không khéo tính lắm. Đặc tính đó của nó phản ánh trong giới trí thức, tức bọn thờ phụng nó. Trí năng rất tinh mắt khi tìm phương pháp và phương tiện, nhưng nó lại đui khi nhận định mục tiêu và giá trị. Như vậy, cái tật đui tai hại đó, lây già truyền cho lớp trẻ, và ngày nay nó bao trùm cả một thế hệ, thi cũng chẳng có gì là lạ.

Tô tiên Do-Thái của chúng ta<sup>(1)</sup>, các vị tiên tri và các nhà hiền triết Trung-Hoa thời xưa nhận định được và tuyên bố rằng yếu tố quan trọng nhất khi định một

---

(1) Einstein nói với người Do-Thái.

khuôn mẫu cho kiếp người, là dụng nên một mục đích làm cơ sở; mục đích đó là một cộng đồng gồm những người tự do và sung sướng, luôn luôn gắng sức về nội tâm để rắn trút bỏ được các bản năng di truyền phi xã-hội và tàn phá. Trong sự gắng sức đó, trí năng có thể là tên phu tá đắc lực nhất. Sự gắng sức đó, với kết quả của những gắng sức về tri tuệ, cùng với hoạt động sáng tạo của nghệ sĩ, làm cho đời sống có một nội dung và một ý nghĩa.

Nhưng ngày nay những đam mê thô bạo, phỏng túng hơn bao giờ hết, chi phối thế giới của chúng ta. Dân tộc Do-Thái chúng ta, ở đâu cũng là một thiểu số rất nhỏ, không có phương tiện chống đỡ được, nên phải chịu những đau khổ ghê gớm nhất — có thể tới bị tiêu diệt hoàn toàn nữa — khổ hơn hết thảy dân tộc nào khác trên thế giới. Người ta căm hận chúng ta đã duy trì cái lý tưởng có một xã hội điều hòa, ý tưởng đó mà những bậc anh tuấn nhất của chúng ta đã diễn ra bằng lời nói và bằng hành động.

1943



## TÔI NHÌN THẾ GIỚI RA SAO

Tinh cảnh của chúng ta, những đứa con của trái đất này quả là kỳ cục ! Mỗi người như một khách qua đường ghé một lát. Người ta không hiểu tại sao, nhưng đôi khi có cảm tưởng như vậy. Nhưng xét về quan điểm đời sống hằng ngày thì người ta biết rằng — mà chẳng

suy nghĩ gì hơn — rằng người ta sống trên cõi đời này là vì những người khác; trước hết là sống cho những người thân mà nụ cười cùng sự an lạc là những điều kiện trọn vẹn cho hạnh phúc của ta, rồi cũng sống cho vô số những người lạ mà thân phận liên kết với ta bằng mối thiện cảm. Ngày nào tôi cũng nghĩ rằng đời sống nội tâm và vật chất của tôi sở dĩ có được là nhờ sự làm lụng của những người đương sống và những người đã khuất, và tôi gắng sức đèn đáp cho xứng những cái tôi đã nhận được và hiện còn đang nhân đây. Tôi thấy cần phải sống đậm bạc, và nhiều khi tôi có cái cảm giác nặng nề khó chịu này: tôi bắt các người đồng loại cung cấp cho tôi quá cái mức cần thiết. Tôi có cảm tưởng rằng sự phân biệt các giai cấp trong xã hội không được chính đáng, mà xét cho cùng, nó chỉ dựa trên sức mạnh tàn bạo. Tôi cũng tin rằng sống bình dị, đơn giản về vật chất, là điều có lợi cho cơ thể và tinh thần của mỗi người.

Tôi không tin một chút nào rằng con người được tự do — tự do hiểu theo cái nghĩa triết lý. Mỗi người hành động chẳng những vì sự bất buộc của ngoại giới mà còn như tùy thuộc một sự tất yếu nội tâm nữa. Câu này của Schopenhauer: « Con người dĩ nhiên có thể muốn cái gì thì làm được cái ấy, nhưng không thể muốn cái mình muốn được » đã mạnh mẽ thâm nhập vào tân hồn tôi từ hồi tôi còn trẻ, và từ đó luôn luôn là một nguồn vô tận an ủi tôi, khiến cho tôi khoan thứ mỗi khi tôi đau khổ vì những cảnh tàn khốc của cuộc đời. Biết được chân lý đó thì cái ý thức trách nhiệm của mình nhẹ đi một cách thật dễ chịu mà ý thức trách nhiệm rất dễ làm cho ta bị

tê liệt; biết được chân lý đó thì đổi với bản thân và với người khác chúng ta không quá nghiêm, mà có một quan niệm khoáng đạt về đời sống, một tinh thần hài hước nữa.

Đứng về phương diện khách quan, luôn luôn tôi thấy rằng không có gì vô lý bằng bạn trí về ý nghĩa hoặc mục đích của đời mình. Vậy mà người nào cũng có vài lý tưởng hướng dẫn sự phán đoán của mình, làm mục tiêu cho sự gắng sức của mình. Về phương diện đó, không bao giờ tôi cho sự hoan lạc cùng hạnh phúc là một mục đích tuyệt đối (Tôi gọi thứ lý tưởng đó là lý tưởng của bầy heo). Những lý tưởng chiểu rực rõ trước mắt tôi, luôn luôn làm cho tôi vui vẻ, can đảm sống, là ba cái này: thiện, mỹ và chân. Tôi cho rằng đời sống sẽ trống rỗng lắm nếu tôi không có cái cảm tưởng sống hòa hợp với những người cùng chia sẻ những tin niệm chung với tôi, nếu tôi không đeo đuổi cái mục tiêu vĩnh viễn không sao đạt được trong khu vực nghệ thuật và nghiên cứu khoa học. Ngay từ hồi thanh niên, tôi đã cho những mục tiêu tầm thường mà người đời đeo đuổi như kiếm tiền, thành công bề ngoài, xa xỉ, là đáng khinh bỉ.



## LUÂN LÝ VÀ TÌNH CẢM

Do kinh nghiệm, do những cái ta cảm thấy trong thâm tâm, hết thấy chúng ta đều biết rằng những hành

vì hữu-thức của ta phát sinh từ những niềm ước muốn cũng nỗi lo âu của ta. Do trực giác, chúng ta đoán rằng những người khác và các loài vật thường dâng thì cũng vậy. Hết thảy chúng ta đều rán tránh sự đau khổ, sự chết và đều tìm cái gì dễ chịu, vui thích.

Trong tất cả các hành động, chúng ta đều bị các xung động trong lòng chi phối và các xung động đó được tổ chức sao cho các hành vi của ta hầu hết là nhằm mục đích duy trì bản thân ta và duy trì nội giống. Sự đói khát, tình ái, đau khổ, sợ sệt là một số các xung động nội tâm đó nó chỉ huy bản năng tự duy trì của con người.

Vì là những sinh-vật xã-hội, cho nên trong sự giao thiệp với người khác, chúng ta cũng bị những tình cảm thúc đẩy nữa, như thiện cảm, kiêu căng, oán thù, thương hại, ham quyền thế vân vân.

Tất cả những xung động cơ bản không dễ gì tả được đó, là nguyên động lực các hành động của loài người. Nếu những sức mạnh cơ bản lớn lao đó thôi kích thích, thôi thúc ta nữa thì ta sẽ không còn hành động gì hết.

Mặc dầu cách cư xử của ta có vẻ khác xa các loài vật thường dâng, nhưng bản năng tối sơ của chúng và của ta giống nhau lắm. Sự khác biệt hiển nhiên nhất là ở chỗ, óc tưởng tượng của ta tương đối mạnh, khả năng suy tư của ta được ngôn ngữ và các hệ thống ký hiệu khác giúp sức; hai cái đó đóng một vai trò quan trọng trong đời sống chúng ta.

Ở loài người, suy tư là một hoạt động có tổ chức, nó xen vào giữa các bản năng tối sơ và các hành động. Bản năng là nguyên nhân, mà hành động là kết quả. Như vậy, óc tưởng tượng và trí tuệ mới đầu đóng vai trò làm tối tớ cho các bản năng tối sơ; nhưng rồi chúng can thiệp vào khiến cho hành động của ta lần lần bớt phục vụ các bản năng kia đi, bớt thỏa mãn các nhu cầu khẩn thiết của các bản năng đi.

Bản năng thúc ta suy tư, sự suy tư gây ra những hành vi trung gian do những tình cảm liên quan tới mục đích tối hậu gợi ra.

Như vậy nhiều lần thì có hiệu quả này: các ý kiến của ta lần lần có được một sức rất mạnh, cả những khi mà những mục tiêu gây ra sức mạnh đó đã bị quên từ lâu rồi. Trong những trường hợp bất thường khi ta có những tình cảm mạnh mẽ đó đối với những vật mất ý nghĩa thực của nó rồi, thì là chúng ta theo đạo thờ vật (fétichisme).

Nhưng quá trình tôi vừa mới kể đó cũng đóng một vai trò rất quan trọng trong đời sống hằng ngày. Thực vậy nhờ quá trình đó — nó kích thích tình cảm và tư tưởng của ta — mà ta có được những nỗi vui trong sạch nhất, thanh nhã nhất: như cái vui sáng tác nghệ thuật, cái vui diễn những tư tưởng mạch lạc.

Theo tôi thấy thì khi bắt đầu dạy luận lý, chúng ta nên suy nghĩ như sau: nếu mọi người đều tuân những bản năng tối sơ, tránh sự đau khổ mà chỉ tìm cách

thỏa mãn bản ngã thì hậu quả đối với họ, sẽ là một tình trạng bất an, sợ sệt và khổ sở chung thối. Mặt khác nếu họ dùng trí tuệ của họ một cách ích kỷ, xây dựng đời họ trên cái ảo giác một cuộc đời hạnh phúc, mà không chịu hi sinh, thì hậu quả cũng chẳng tốt đẹp gì hơn. So với các bản năng và xung động cơ bản khác, thì tình yêu, tình thương hại, tình bạn bè đã yếu ớt quá lại hạn chế quá, không thể tạo nỗi một tình trạng khả dĩ tạm được cho xã hội loài người.

Nếu óc ta được hoàn toàn tự do khi xét vấn đề đó thì ta sẽ thấy rằng giải pháp khá giản dị. Cơ hồ như gần đúng với lời khuyên của các hiền triết thuở xưa : « Mọi người phải cư xử theo những qui tắc chung, và những qui tắc đó phải làm sao đạt được kết quả này là hễ ai theo đúng nó thì sẽ được an toàn, thỏa mãn tối đa và đau khổ tối thiểu ».

Nói cho đúng thì điều kiện chung đó mơ hồ quá, không cho chúng ta rút ra được một cách chắc chắn các qui tắc riêng để hướng dẫn con người trong hành động được. Vì những qui tắc riêng này phải thay đổi tùy theo hoàn cảnh.

Nhưng nếu sự khó khăn nhất trong quan niệm nghiêm khắc kẽ trên chỉ có vậy thôi thì thân phận mấy ngàn năm nay của loài người chắc đã sung sướng hơn nhiều, đâu có tới nỗi như từ trước tới nay. Loài người đâu có tới nỗi hành hạ lẫn nhau, bóc lột lẫn nhau bằng sức mạnh và bằng mưu mô.

Nỗi khó khăn đích thực — nó làm cho các hiền nhân mọi thời phải bối rối — là đây: Làm sao cho sự giáo dục của chúng ta có hiệu quả trong đời người, cho ảnh hưởng của nó chống lại được các sức mạnh tâm linh cơ bản trong con người ?

Chúng ta không rõ các hiền nhân thời cổ có thực sự đặt câu hỏi đó một cách hữu-thức không, và nếu có đặt thì chúng ta cũng không biết cổ nhân có thử giải quyết vấn đề không.

Trước khi loài người đủ già giặn để nghĩ tới một thái độ luân lý bao quát như vậy, trong một thời gian rất lâu, nỗi lo sợ các nguy cơ trong đời sống đã khiến họ cho các vật tưởng tượng, vô hình, có khả năng giải phóng được những sức mạnh thiên nhiên mà họ sợ. Họ tin rằng những vật đó, đâu đâu cũng chi phối óc tưởng tượng của họ, về tâm linh cũng y như họ, nhưng có một quyền năng phi phàm: do đó mà họ tạo ra các thần linh.

Sự tin ngưỡng ở các thần linh, ở quyền năng phi thường của các thần linh, phát sinh đầu tiên từ niềm sợ hãi của loài người trong đời sống hằng ngày; nó ảnh hưởng rất mạnh tới con người, thái độ của con người, mạnh tới nỗi ta khó mà tưởng tượng nổi. Nhưng ta không nên lấy làm ngạc nhiên rằng những người lập ra luân lý đã kết chặt nó với tôn giáo ( . . . )

Vậy cái ý niệm luân lý phô biến sở dĩ bắn lai có sức mạnh tâm lý là do liên kết với tôn giáo. Nhưng mặt

khác sự liên kết chặt chẽ đó cũng tại hại cho ý niệm luân lý.

Tôn giáo nhất thần có những hình thức khác nhau tùy từng dân tộc, tùy từng nhóm. Những dị biệt đó tuy không quan trọng nhất nhưng chẳng bao lâu các tín đồ cũng cảm thấy chúng mạnh hơn cái phần cốt yếu chung của các tôn giáo, do đó mà tôn giáo thường gây ra hiềm khích và xung đột chứ không tạo sự đoàn kết cho nhân loại, không gây được cái ý niệm luân lý phồn biến.

Rồi các khoa học thiên nhiên phát triển, tần bỘ, ảnh hưởng lớn tới tư tưởng và đời sống thực tế của con người. Trong thời hiện đại, nó làm giảm cái tôn giáo cảm của các dân tộc.

Lối suy tư khách quan, quan hệ nhân quả — mặc dầu không nhất định là mâu thuẫn với khu vực tôn giáo — làm cho đa số chúng ta không có cái ý thức thâm trầm về tôn giáo nữa, cái liên quan chặt chẽ cõi truyền giữa tôn giáo và luân lý, trong khoảng trăm năm gần đây cũng có hậu quả này làm cho tư tưởng luân lý và luân lý cảm suy giảm đi nhiều. Theo tôi cái đó là nguyên nhân chính của thói dùng những phương tiện dã man về chính trị ở thời đại chúng ta. Nếu kẽ thêm sự hiệu quả kinh khủng của các phương tiện kỹ thuật chiến đấu mới mẻ thì những phương pháp dã man đó đã là nỗi nguy cơ kinh khủng cho thế giới văn minh rồi.

Khỏi cần phải nói, chúng ta nên mừng rằng tôn giáo đương gắng sức để thực hiện qui tắc luân lý. Nhưng qui

tắc luân lý không phải chỉ là của Giáo hội và tôn giáo. Nó là bảo vật cõi truyền qui nhất của toàn thể nhân loại.

Bây giờ chúng chúng ta thử xét thái độ của chúng ta trong các phương pháp giáo dục, đặc biệt là trong bảo chí và trong các học đường với chế độ thi cử. Cái người ta chủ trọng tới nhất là sùng bái sự thành công mà coi thường những giá trị của sự vật và của con người liên quan tới mục tiêu luân lý của xã hội. Lại còn phải kể thêm sự truy lục của luân lý, hậu quả của sự tranh đấu vô nhân đạo về kinh tế nữa. Nhưng nếu dung tâm luyện cái ý thức luân lý ở ngoài khu vực tôn giáo thì con người có thể coi các vấn đề xã hội là những cơ hội để hành động vui vẻ cho một đời sống tốt đẹp hơn. Vì xét theo quan điểm thuận tựu nhân bản, thì không phải chỉ từ bỏ vài thú vui ở đời mà gọi là con người đạo đức được. Con người đạo đức cần nhất phải tìm cách cải thiện thâu phản cho tất cả các người khác.

Quan niệm đó cần có điều kiện đầu tiên này: mỗi cá nhân phải có thể phát triển những tài năng tiềm tàng của mình được. Chỉ có cách đó là con người mới có thể được sự thỏa mãn mà mình có quyền hưởng. Cũng chỉ có cách đó là xã hội mới có thể này nở tới cực điểm được. Vì tất cả cái gì lớn lao và phẫn khởi đều là công trình của những cá nhân thực sự được hoàn toàn tự do làm việc; sự tự do chỉ được hạn chế trong cái mức cần thiết cho sự an ổn của cuộc sống thôi.

Còn một hậu quả khác của quan niệm đó nữa:

không những chúng ta phải chấp nhận các sự dị biệt giữa các cá nhân, cũng như các sự dị biệt giữa các nhóm, mà chúng ta còn phải vui vẻ, khoan dung tiếp nhận những dị biệt đó nữa, coi chúng là hữu ích, làm cho cuộc sống của ta thêm phong phú lên.

Đó là bản chất của mọi sự khoan dung chân chính: không có sự khoan dung theo cái nghĩa rộng nhất đó thì không thể nói tới một thứ luân lý chân chính được.

Thứ luân lý như chúng ta hiểu không phải là một hệ thống cố định và cứng ngắc, mà là một quan điểm để từ đó có thể xét và phải xét mọi vấn đề xuất hiện trong đời sống. Đó là một công việc không lúc nào xong: một cái gì thường xuyên, vĩnh viễn hướng dẫn sự phán đoán, lối cư xử và thái độ của ta.

Làm sao có thể tưởng tượng được một người có thể chấp nhận lý tưởng dưới đây:

— nhận của đồng bào một phần thưởng bằng tiền của, đặc quyền rất lớn mà đa số các người khác không bao giờ nhận được.

— nhận rằng nước mình, vì lúc này đương có vẻ được yên ổn về phương diện vũ bị, có quyền được đứng tách ra, không quan tâm gì tới nguyễn vọng của các nước khác là thành lập một chế độ siêu-quốc gia, bảo vệ an ninh và công bằng cho nhân loại;

— Giữ một thái độ tiêu cực, hoặc chỉ lanh đạm, khi ở một nơi nào đó trên thế giới có những người vô

tôi bị hành hạ tàn nhẫn, mất hết các quyền con người hoặc bị thảm sát nữa?

Đặt các vấn đề đó ra, tức là giải quyết được rồi.



## BÀN VỀ TỰ DO

Tôi biết rằng bàn luận về các phê phán giá trị căn bản là làm một việc liều lĩnh. Chẳng hạn nếu có kẻ nào coi sự tuyệt diệt nhân loại trên trái đất là một mục tiêu cần phải deo đuôi thì chúng ta không thể cẩn cứ vào các nguyên tắc hợp lý mà bác quan điểm của kẻ đó được. Nhưng nếu đã thỏa thuận với nhau về một số mục tiêu và một số giá trị nào đó thì người ta có thể bàn luận về các phương tiện nên dùng để đạt những mục tiêu đó. Vì vậy chúng tôi muốn vạch ra đây hai mục tiêu mà tất cả những người đọc bài này có thể gần đồng ý với nhau được.

I.— Những sản vật có ích lợi cho sự duy trì đời sống và sức khỏe của con người đều phải do mọi người góp sức nhau làm ra mà làm cách nào cho đỡ tốn công nhất.

II.— Sự thỏa mãn các nhu cầu vật chất quả thật là một điều kiện đầu tiên cần thiết cho đời sống, nhưng tự nó không phải là một điều kiện đủ. Con người, muốn được hoàn toàn thỏa mãn, phải có khả năng phát triển

những năng lực trí tuệ và nghệ thuật hợp với tinh tinh của mình.

Muốn đạt được mục tiêu thứ nhất thì phải khuyến khích mọi tri thức về các luật thiên nhiên và các luật diễn tiến của xã hội, nghĩa là khuyến khích mọi công việc nghiên cứu khoa học. Vì công trình khoa học là một toàn thể tự nhiên mà các phần tử nồng đỗ lẫn nhau một cách không ai có thể đoán trước được. Tuy nhiên, muốn cho khoa học tiến bộ thì phải truyền đạt cho nhau tất cả các kết quả, tất cả các ý kiến, mà không bị hạn chế một chút nào. Cũng cần có sự tự do phát biểu tư tưởng và tự do dạy dỗ trong mọi khu vực gắng sức về tri tuệ nữa.

Tôi nói tự do, là muốn nói những điều kiện xã hội cho phép chúng ta phát biểu những ý kiến, những xác nhận liên quan tới các điều đề tông quát và đặc biệt về tri thức.

Sự tự do truyền đạt đó cần thiết cho sự phát triển tri thức khoa học; điểm đó rất quan trọng về thực tế. Trước hết, sự tự do đó phải được luật pháp bảo đảm. Nhưng chỉ có luật pháp thôi thì cũng không đủ. Muốn cho mỗi người có thể trình bày ý kiến của mình mà không sợ bị trừng trị, thì phải có một tinh thần bao dung trong toàn thể dân chúng. Lý tưởng tự do ngoại diện đó không bao giờ có thể thực hiện được hoàn toàn nhưng phải được đeo đuổi hoài, không lúc nào ngừng

nếu người ta muốn cho tư tưởng khoa học — nói chung là tư tưởng triết học và sáng tạo — tiến được xa nhất.

Muốn cho mục tiêu thứ nhì đạt được, nghĩa là muốn cho mỗi cá nhân có thể phát triển về tinh thần, thì cần có một thứ tự do ngoại diện khác nữa. Phải làm sao cho con người, trong việc mưu sinh, khỏi phải làm lụng tối tăm mặt mũi tới cái mức không còn thời giờ, sức lực để hoạt động cho cá nhân của mình nữa (1).

Không có sự tự do ngoại diện thứ nhì đó thì sự tự do phát biểu ý kiến cũng hóa ra vô ích.

Nhờ những tiến bộ về công nghệ học, con người có thể hưởng được thứ tự do thứ nhì đó, nếu chúng ta giải quyết được vấn đề phân công một cách hợp lý.

Sự phát triển của khoa học và nói chung là của hoạt động sáng tác, lại làm cho một thứ tự do thứ ba nữa hóa ra cần thiết. Thứ tự do này có thể gọi là «tự do nội tâm».

Có tự do nội tâm là giữ cho tư tưởng của mình được độc lập đối với những hạn chế do thành kiến có quyền lực và các thành kiến xã hội gây ra, mà cũng độc lập đối với thứ thủ tục phản triết và các thói quen xét chung. Sự tự do nội tâm đó là một thiên phú hiếm hoi và là một mục tiêu đáng cho mỗi người deo đuổi.

---

(1) Tác giả muốn nói: để học hỏi thêm, trau giồi kiến thức, tài đức,

Nhưng miền là xã hội đừng ngăn cản sự phát triển của nó thì cũng có thể giúp được nhiều cho cá nhân được đức đó rồi. Chẳng hạn học đường có thể làm ngăn cách sự phát triển của thứ tự do đó, khi các nhà quyền uy buộc thành niên phải nhồi vào sọ một mớ kiến thức quá nặng. Mặt khác, học đường có thể khuyến khích thành niên suy tư độc lập để cho thứ tự do đó này nở.

Chỉ khi nào người ta cố ý deo đuổi tim kiếm không ngừng tự do ngoại diện và nội tâm đó thì tinh thần mới có thể phát triển, cải tiến được mà đời sống nội tâm và ngoại diện của con người mới có thể được hoàn thiện.

(Trong bài *Quan niệm khoa học, luân lý và xã hội*)  
1948.



## CHỐNG SỰ « HỖN LOẠN QUỐC TẾ »

Do nhiều kinh nghiệm đau lòng, chúng ta đã thấy rằng tư tưởng hợp lý không đủ để giải quyết các vấn đề đời sống xã hội của chúng ta. Sự nghiên cứu thâm thúy và sự lao khổ vô biên của các nhà khoa học nhiều khi gây những hậu quả bi đát cho nhân loại. Một mặt họ phát minh được nhiều cái giúp cho nhân loại khỏi phải làm việc mệt nhọc về thể chất mà có được một đời sống dễ chịu hơn, phong phú hơn; nhưng mặt khác họ cũng làm cho con người thành nô lệ kỹ thuật, suốt đời lo âu và — cái này hoàn toàn tại hại — tạo ra những phương tiện để tiêu diệt nhau cả đám.

Đó quả là một bi kịch thảm!

Nhưng thảm nhất có lẽ là sự kiện này: trong khi nhân loại đã sản xuất được nhiều nhà bác học thành công phi thường trong khu vực khoa học và công nghệ học, thì chúng ta bao lâu nay vẫn không tìm được những giải pháp thích hợp với các xung đột chính trị và các tình trạng khẩn trương kinh tế. Những xung đột đó xảy ra giữa cá nhân với nhau, giữa dân tộc này với dân tộc khác, và có lẽ sự tương phản về quyền lợi kinh tế giữa các cá nhân, giữa các dân tộc là nguyên nhân lớn gây ra tình trạng nguy hiểm, đáng lo ngại hiện nay trên thế giới.

Loài người chưa tạo được những hình thức tổ chức chính trị và kinh tế có thể bảo đảm sự sống chung hòa bình của các dân tộc trên thế giới. Chưa tạo được một chế độ có thể tiêu trừ mầm mống chiến tranh, từ bỏ một cách vĩnh viễn các khía cạnh tàn sát cả đám người một lúc.

Chúng ta, con người khoa học, mang cái thân phận bị đát là giúp thiên hạ chế tạo các phương pháp tiêu diệt nhau mỗi ngày mỗi ghê tởm hơn, hiệu nghiệm hơn, chúng ta có cái bỗn phận trang nghiêm và tối cao là làm tất cả những cái gì chúng ta có thể làm được để ngăn cản thiên hạ không được dùng những khía cạnh đó vào cái mục đích phi nhân đó. Chúng ta còn có nhiệm vụ nào quan trọng hơn nhiệm vụ đó? Còn có mục tiêu xã hội nào gần gũi với lòng ta hơn mục tiêu đó? Vì vậy mà chúng ta phải bắt những chiếc cầu tinh thần và khoa

học để nối các quốc gia trên thế giới với nhau. Chúng ta phải phá được những chướng ngại ghê gớm của biên giới giữa các quốc gia.

Trong những cộng đồng nhỏ hẹp hơn, loài người đã tấn bộ được ít nhiều dễ tiêu diệt được những sức phản xã hội. Điều đó đúng trong các thị trấn và cũng đúng tới một mức nào trong các quốc gia. Trong những cộng đồng như vậy, phong tục về giáo dục đã có tác động điều tiết, và sự giao thiệp giữa các người sống chung được tạm ổn. Nhưng trong sự giao thiệp giữa các quốc gia với nhau thì vẫn còn một sự hỗn loạn hoàn toàn.

Tôi không tin rằng trong mấy ngàn năm chúng ta đã thực sự tiến bộ về mặt đó. Rất nhiều khi, các sự xung đột giữa các quốc gia phải giải quyết bằng sức mạnh tàn nhẫn, nghĩa là bằng chiến tranh. Người ta có tham vọng muốn tăng hoài sức mạnh của mình lên, thành thử họ có đủ khả năng vật chất là người ta có những hành động xâm lăng ngay.

Trong bao nhiêu thế kỷ nay, tình trạng hỗn loạn trong các việc quốc tế đó, đã gây cho nhân loại những nỗi đau khổ, những cảnh tàn phá không sao tả nỗi. Đã biết bao lần rồi, nó làm hư hỏng sự phát triển của con người, làm truy lạc tâm hồn con người, tiêu diệt sự an lạc, hạnh phúc của con người. Có hồi nó đã tàn phá trọn vẹn hoặc gần trọn vẹn cả mấy nước.

Quốc gia nào cũng muốn chuẩn bị không ngừng cho

chiến tranh, sự kiện đó gây nhiều phản xạ tới đời sống con người. Quyền hành của chính quyền đối với chúng ta trong mấy thế kỷ nay cứ tăng lên hoài, trong những xứ mà quyền hành đó sáng suốt, cũng như trong những xứ áp dụng một chế độ chuyên chế tàn nhẫn. Cái chức vụ của chính quyền là duy trì những quan hệ hòa bình và bình thường giữa các công dân với nhau. Chức vụ đó mỗi ngày mỗi thêm phức tạp, lan rộng ra vì sự tập trung bộ máy kỹ nghệ hiện đại.

Muốn che chở dân chúng khỏi bị ngoại quốc tấn công, Quốc gia hiện đại cần có tổ chức yểm bị rất lớn lao mạnh mẽ, lại thêm Quốc gia cho rằng cần phải huấn luyện công dân để phòng một chiến tranh có thể xảy ra. Sự giáo dục đó chẳng những làm đổi truy tâm hồn, tinh thần thanh niên mà tai hại thay, còn ảnh hưởng xấu xa tới tình trạng con người nữa. Không một nước nào tránh khỏi sự sa đọa đó, ngay những công dân các nước không có khuynh hướng xâm lăng cũng không tránh khỏi. Quốc gia đã thành một thứ thần tượng tân thời có sức dẫn dụ, thuyết phục mà rất ít người có thể chống lại được.

Nhưng sự huấn luyện của chiến sĩ ngày nay đã thành một ảo tưởng. Sự tần bộ kỹ thuật trong mấy năm gần đây đã tạo ra một tình trạng quân sự hoàn toàn mới mẻ. Người ta đã chế tạo những khí giới ghê gớm có thể trong vài giây tiêu diệt những đám đông vĩ đại, tàn phá những khoảng đất mênh mông. Vì khoa học chưa tìm ra được những cách bảo vệ chống với các khí giới đó, cho nên quốc gia không thể có những biện pháp thích hợp để giữ cho công dân được an toàn.

Như vậy có cách nào để tự cứu nguy ?

Chỉ khi nào có một tổ chức siêu quốc gia nắm riêng cái quyền sản xuất và tàng trữ các khí giới đó thì nhân loại mới được che chở khỏi lo cái nạn bị tiêu diệt mà quang không sao tưởng tượng nổi. Nhưng trong tình thế hiện tại, không có cái gì làm cho ta tin được rằng các quốc gia giao cho một tổ chức siêu-quốc-gia một uy quyền như vậy, nếu tổ chức này không có cái quyền hợp pháp và cái bồn phản giải quyết mọi sự xung đột mà trước kia chỉ có mỗi một giải pháp là chiến tranh. Nhưng có thể rằng khéo giảng giải, lý luận, người ta có thể làm cho thế giới chấp nhận « chính quyền thế giới » đó, cho nó cái quyền uy quốc tế tối cao cần thiết mà mọi người và mọi quốc gia phải tuân theo. Lúc đó mỗi quốc gia chỉ còn có nhiệm vụ giải quyết những việc riêng trong nội bộ của mình thôi. Trong sự giao thiệp với các quốc gia khác thì chỉ bàn tới những vấn đề nào không thể gây một chút nguy hại gì cho sự an toàn quốc tế.

Khốn thay, không có gì chứng tỏ rằng các chính quyền nhận định được đúng tình trạng hiện tại của nhân loại, một tình trạng đòi hỏi một cách cẩn thận những biện pháp cách mạng.

Tình trạng chúng ta bây giờ khác hẳn thời xưa. Do đó, không thể dùng những phương pháp mà thời xưa có thể coi là đủ rồi. Chúng ta ngày nay phải cách mạng tư tưởng, cách mạng hành động, và có can

đảm cách mạnh sự giao thiệp giữa các quốc gia trên thế giới. Những khuôn sáo thời xưa ngày nay không còn dùng được nữa, mà ngày mai đây chắc chắn sẽ hóa lạc hậu.

Làm cho mọi người trên thế giới hiểu được điều đó là cái nhiệm vụ xã hội quan trọng nhất từ xưa tới nay mà hạng trí thức ngày nay phải gánh vác. Họ có can đảm bỏ qua mối tình gắn bó với quốc gia để dẫn dắt các dân tộc trên thế giới thay đổi một cách triệt để những truyền thống quốc gia đã bén rễ quá sâu không ?

Cần có một sự gắng sức phi thường. Nếu bây giờ mà thất bại, thì sau này cũng vẫn phải xây dựng một tổ chức siêu-quốc-gia, nhưng lúc đó sẽ phải xây dựng nó trên sự đỗ nát của một phần lớn thế giới hiện tại.

Chúng tôi mong rằng nhân loại có thể trừ diệt được sự hỗn loạn quốc tế ngày nay mà không phải trả bằng cái giá quá đắt này : chịu một tai biến trên thế giới, tai biến đó lớn lao không ai tưởng tượng nổi, mà chính là do chúng ta tự gây ra cho mình. Thời giờ ngắn ngủi gòm. Chúng ta phải hành động ngay từ bây giờ (1).

(Trích trong một thông điệp gửi Hội nghị hòa bình của các nhà tri thức họp ở Wrocław năm 1948).



(1) Xem thêm bài phỏng vấn *Tìm Hòa Bình* ở phần C.—Vài ý kiến của Einstein.

## SỰ TRUY LẠC CỦA CON NGƯỜI KHOA HỌC

Tình cảnh của con người khoa học (<sup>1</sup>) trong tổ chức xã hội loài người ngày nay ra sao? Hắn rất hãnh diện cách này hay cách khác rằng nhờ công lao của những người như hắn mà sự làm lung khò nhọc bằng bắp thịt đã gần mất hắn, mà đời sống kinh tế của loài người đã thay đổi hẳn—mặc dầu phần lớn như vậy chỉ là hậu quả gián tiếp của các công việc nghiên cứu khoa học. Nhưng hắn cũng rầu rĩ vì những kết quả của các công việc nghiên cứu của hắn đã gây một nguy cơ lớn lao cho nhân loại, khi những kết quả đó rơi vào tay những kẻ cầm quyền vô luân. Hắn nhận thấy rằng người ta đã dùng những công cuộc nghiên cứu của hắn mà tìm được những phương pháp kỹ thuật đưa tới sự tập trung kinh tế, do đó có sự tập trung quyền hành chính trị trong tay một thiểu số, thiểu số này nhồi nắn đại chúng ra sao tùy ý, và đại chúng có lẽ mỗi ngày mỗi nhu nhược, an phận. Hơn nữa, sự tập trung quyền hành chính trị và kinh tế vào trong tay một số ít người đó chẳng những làm cho con người khoa học bị túy thuộc họ (tức bọn có quyền hành) về vật chất, mà còn làm cho cuộc sống nội tâm của hắn cũng lâm nguy vì ngày nay người ta đã tạo ra được những phương tiện tinh vi, khôn khéo để ảnh hưởng tới trí tuệ và tinh thần con người, mà ngăn cản sự phát triển của các thế hệ trẻ có tư cách độc lập.

Như vậy chúng ta thấy thân phận của con người

---

(1) Tác giả muốn trả các nhà nghiên cứu khoa học.

khoa học thật là bi đát. Có lòng ham hiểu biết, thích độc lập về tư tưởng, hắn đã gắng sức phi thường tạo nên những phương tiện nó rốt cuộc làm cho hắn bị nô lệ về phương diện vật chất, và bị hủy diệt về phương diện tinh thần. Hắn bắt buộc phải để cho nhà cầm quyền khóc mổ. Làm lính, hắn bắt buộc phải hy sinh tinh mạng mình và tinh mạng người khác, dù hắn tin chắc rằng một sự hy sinh như vậy rất vô lý. Hắn nhận thấy một cách hết sức rõ ràng quốc gia nắm quyền chính trị và kinh tế và cũng nắm luôn quyền vô bị và như vậy sẽ đưa tới sự tiêu diệt mọi dân tộc. Hắn biết rằng chỉ có cách là thay các phương pháp quyền hành đơn phương bằng một tổ chức tái phán siêu quốc gia mới còn có cơ cấu vẫn được nhàn loại, nhưng sự tình đã tới cái mức hắn phải nhau thân phận nô lệ như một điều không sao tránh được. Hắn tự hạ mình tới nỗi phải theo lệnh chính phủ bão làm mà tiếp tục cải thiện các phương tiện để tận diệt loài người.

Con người khoa học có thực sự phải chịu đựng tất cả những nhục nhã đó không? Cái thời mà sự tự do về nội tâm, sự độc lập về tư tưởng và trong công trình khảo cứu của hắn có thể soi sáng và phong phú hóa đời sống con người, cái thời đó qua rồi ư? Trong sự gắng sức chỉ hướng về hoạt động tinh thần thôi, hắn đã quên trách nhiệm và phần cách của hắn rồi ư? Tôi xin đáp: dĩ nhiên người ta có thể thủ tiêu một người có lương tâm và tư tưởng tự do, chứ không thể bắt người đó làm nô lệ hoặc làm một dung cụ mù quáng được.

Nếu người khoa học ngày nay có thì giờ và đủ

cần đảm nhận xét tình thế và nhiệm vụ của mình một cách bình tĩnh và sáng suốt, tìm một tiêu chuẩn hành động, thì tình hình quốc tế rất huy hiếp hiện nay có cơ cải thiện được nhiều, một giải pháp hợp lý có cơ thực hiện được.



## THÔNG ĐIỆP GỬI CHO HẬU THẾ

Thời đại chúng ta có nhiều nhà phát minh và những phát minh của họ có thể làm cho cuộc đời của chúng ta được dễ dàng rất nhiều. Nhờ sức của cơ khí, chúng ta vượt được biển và khỏi phải làm những công việc nặng nhọc bằng bắp thịt. Chúng ta đã bay được trên không và có thể chẳng chút khó khăn gửi thông điệp, tin tức trên khắp thế giới bằng lăn sóng điện.

Nhưng sự sản xuất và phân phối tài sản không được tổ chức thành thử người nào cũng nơm nớp lo sợ bị đào thải ra ngoài cái chu trình kinh tế mà sẽ không vì thiếu thốn mọi thứ. Lại thêm, những người ở những xứ khác nhau, cứ sau một thời gian ngắn hoặc dài lại chém giết lẫn nhau, do đó hễ nghĩ tới tương lai thì ai cũng phải sống trong cảnh lo lắng, kinh hãi. Nguyên do là tại trí tuệ và tư cách của đại chúng ở một trình độ quá thấp so với trí tuệ và tư cách của một thiểu số sản xuất được cái gì quý báu cho cộng đồng nhân loại.

Tôi rất mong rằng hậu thế đọc những lời tuyên bố này sẽ có cảm tưởng tự hào chính đáng rằng mình hơn tiền nhân.



1938

## LỜI KHUYÊN TRẺ THƠ

Các cháu thân mến.

Tôi vui mừng thấy các cháu tụ họp trước mặt tôi hôm nay, các cháu là đoàn trẻ thơ sung sướng của một xứ tươi sáng, được nhiều may mắn.

Các cháu nên nhớ rằng những điều kỳ diệu các cháu được học ở trường là do công lao của biết bao thế hệ trên khắp thế giới đã hăng hái gắng sức và cẩn cui làm việc không ngừng rồi truyền lại cho các cháu như một di sản để cho các cháu tiếp nhận, tôn trọng, tăng gia thêm, và một ngày nào đó, các cháu sẽ lại trung thành truyền lại cho con các cháu. Nhờ vậy mà chúng ta, những con người hữu sinh hữu tử, mới thành bất tử trong những vật trường tồn mà chúng ta tạo chung với nhau.

Nếu các cháu luôn luôn nhớ điều đó thì các cháu sẽ tìm được ý nghĩa cho đời sống, cho công việc, và sẽ có một thái độ chân chính đối với các dân tộc khác và các thời đại khác.

1934



## MAHATMA GANDHI

Một nhà dùi dắt dân tộc mà không hề nhờ cậy một quyền lực ngoại lai nào cả; một chính khách thành công không nhờ mưu mô, thuật pháp, mà chỉ nhờ sức thuyết phục của nhân cách của mình; một người chiến thắng

mà luôn luôn khinh sự dùng sức mạnh; một người minh triết mà khiêm tốn, quả quyết mà kiên trì không gì lay chuyển nỗi, đã tận lực nâng cao tinh thần và cải thiện thân phận của dân tộc; một người đã đương đầu với sự tàn bạo của châu Âu bằng phầm cách của con người, nhờ vậy mà trong hoàn cảnh nào cũng cao thượng thêm lên.

Các thế hệ sau này có lẽ khó mà tin được rằng một người như ông quả thực đã sống trên trái đất này (!).



---

(1) Chúng ta còn nhớ một nữ sinh đã viết thư cho Einstein chỉ để biết ông có sống thực không.

## B

### VÀI TƯ TƯỞNG CỦA EINSTEIN

Hầu hết tôi hành động là theo bản tính. Người ta nhầm tôi mà bắn những mũi tên căm thù, nhưng chẳng bao giờ trúng cả vì những mũi tên đó thuộc về một thế giới khác chẳng liên quan gì với tôi hết.

\* \* \*

Theo tôi, sự ngưỡng mộ cá nhân luôn luôn là điều vô lý. Dĩ nhiên, hóa công phán phát cho chúng ta, kẻ nhiều người ít, khác nhau rất xa, nhưng có nhiều người được nhiều tài năng thiên phú và tôi tin rằng hầu hết những người đó sống một đời yên ổn, ẩn khuất. Tôi cho rằng một số người được ngưỡng mộ quá mức chỉ vì thiên hạ cho rằng họ có đức tính siêu phàm về trí tuệ và tư cách, cái đó không công bằng mà cũng bất nhã. Đó chính là trường hợp của tôi: có một sự tương phản thật là lố bịch giữa những tài năng và sự toàn thiện của người ta tặng tôi với cái mà thực sự tôi có. Nghĩ vậy, tôi không sao chịu nổi, nếu tôi không tìm ra được niềm an ủi này: là ở thời đại chúng ta thường bị chè là duy vật này, người ta lại có thể coi những người chỉ có giá trị về tinh thần và luân lý là những vị anh kiệt. Vậy thì ra đa số thiên

hã vẫn còn trọng kiến thức và sự công bằng hơn của cái và quyền thế.

\* \*

Có một sự đam mê tim hiểu cũng như có sự đam mê âm nhạc. Sự đam mê tim hiểu đó hồi nhỏ ai cũng có, lớn lên thì nhiều người không còn nữa. Thiếu nó thì không có môn toán, môn vạn vật học. Tôi từ hồi nào tới giờ vẫn có sự đam mê đó và không khi nào nhụt cả.

\* \*

Trong thiên nhiên có một điều vĩnh viễn không sao hiểu nổi, là tại sao con người lại hiểu được thiên nhiên.

\* \*

Nhà bác học nào cũng nên có một nghề đóng giày<sup>(1)</sup>.

\* \*

Mọi sự gắng sức về kỹ thuật đều phải chú ý trước hết tới con người và thân phận con người. Xin các bạn đừng quên điều đó khi vẽ các giản đồ và đặt các phương trình.

\* \*

Đời sống luôn là một sự biến hành chứ không bao giờ là một thực thể bất di bất dịch.

Biết được cái hiện có, như vậy không đủ để quyết

---

(1) Nghĩa là một nghề đẽ sống, còn công việc khảo cứu phải bất vị lợi.

đoán cái nén có ra sao. Biết được chân lý, như vậy đã là kỳ diệu rồi đấy, nhưng sự hiểu biết đó khó mà hướng dẫn ta được tới nỗi nó không thể chứng thực được rằng cái nguyễn vọng tim hiểu lự nó đã là chính đáng và có giá trị nřa.

\* \* \*

Người nào không thường cảm thấy cái bí mật [trong vũ trụ], đã mất cái khả năng kính dì, thán phục, thì sống cũng như chết.

\* \* \*

Đạo lý là cái truyền thống quí nhất của nhân loại. Có đạo đức không phải chỉ là từ bỏ vài thú vui trong đời; cần nhất là phải quan tâm tới thân phận của mọi người, mong mỏi cho mọi người được sung sướng hơn.

\* \* \*

Thấy người nào thích thú xếp thành hàng ngũ, chen nhau bước theo tiếng nhạc thì tôi khinh người đó liền rồi. Do sơ ý mà tạo hóa đã cho y một bộ óc, vì cái tủy xương sống cũng đã đủ cho y quá rồi. Cái túi nhục của văn minh đó, phải trừ khứ đi càng mau càng tốt. Anh hùng theo mệnh lệnh, tàn bạo một cách diên cuồng, bài ngoại, sao mà tôi ghét những cái đó thế, sao mà tôi thấy chiến tranh đê tiện đáng khinh đến thế. Thà chịu cho người ta băm vằm chứ tôi không khi nào dại vào những hành động bỉ ổi như vậy.

Tôi đề nghị khắc lên trên cái mì tòa trụ sở hội  
Vạn Quốc <sup>(1)</sup> câu này : « Tôi bệnh vực kề mạnh và bắt  
kể yếu cầm miệng, mà không phải đỗ máu ».

\* \* \*

Đừng làm cái gì trái với lương tâm của bạn, dù là  
bị Quốc gia bắt buộc.

\* \* \*

Theo tôi, chủ yếu của tôn giáo là có thể tự đặt  
mình vào địa vị người khác, vui cái vui của họ và khổ  
cái khổ của họ.

\* \* \*

Tôi sai mê theo lý tưởng công bằng và trách nhiệm  
đối với xã hội, mà lạ lùng thay, lý tưởng đó trái hẳn với  
tánh tôi : tôi hiền nhiên là không thích trực tiếp hợp  
tác với người khác, đàn ông và đàn bà. Tôi là con ngựa  
chỉ quen với một cỗ yên cương thôi, không chịu buộc  
chung với một con nào khác. Tôi không khi nào hết lòng  
tùy thuộc một xứ nào, một quốc gia nào hoặc tùy thuộc các  
bạn bè ngay cả gia đình của tôi nữa. Những liên hệ đó  
luôn luôn lớn dần ra và tuổi càng cao tôi càng muốn rút  
vào trong cái vỏ của tôi. Sự cô độc đó nhiều khi chua

(1) Hội Vạn Quốc trước thế chiến vừa rồi. Lời đó là một  
lời mỉa mai.

chát thật, nhưng tôi không ân hận rằng không được người khác hiểu, không được cảm tình của họ. Dĩ nhiên cái đó có thiệt thòi cho tôi đấy nhưng bù lại tôi thoát ly được các ý kiến, tục lệ hoặc thành kiến của người khác và tôi không thích dựng sự thành thời bình tĩnh của tâm hồn tôi trên những nền tảng dễ di động như vậy.

\* \* \*

Bây đặt ra tang lê chỉ là để làm vui lòng những người ở chung quanh ta thôi. Tự nó, nó chẳng có nghĩa gì cả. Tôi cho rằng chăm lo tang lê cũng chẳng khác gì lo việc đánh giày mỗi ngày, chỉ để cho không ai có thể chê mình rằng đi giày dơ.

\* \* \*

Chủ trương hòa bình của tôi là một tình cảm do bản năng mà có, tình cảm đó xâm chiếm tôi vì sự giết người làm cho tôi tởm. Tôi có thái độ đó không phải là vì theo một lý thuyết nào cả mà chỉ vì tôi ghét thậm tệ mọi sự tàn bạo, oán thù.

\* \* \*

Rất ít khi tôi hoan hỉ rằng xã hội làm được cái này hay không làm cái nọ, nhưng tôi luôn luôn mang ơn xã hội vì có xã hội.

\* \* \*

Do tính cách phô biến của các khoa học thiên

nhiên, do cái nhu cầu cần có một sự hợp tác quốc tế có tò chúc, mà các nhà đại diện các khoa học đó cũng phải có một tinh thần quốc tế. Tinh thần đó giúp họ dễ có tinh thần hòa bình.

\*\*\*

Dễ làm cho các dân tộc theo chủ trương hòa bình hơn là theo chủ nghĩa xã hội. Những vấn đề kinh tế và xã hội ngày nay khó khăn hơn [hồi xưa] nhiều, nhưng cần phải làm cho đàn ông và đàn bà đến trình độ tin ở các giải pháp hòa bình. Lúc đó người ta có thể hi vọng rằng họ sẽ bàn về các vấn đề chính trị và kinh tế bằng một tinh thần hợp tác. Tôi muốn nói rằng chúng ta phải vận động cho chủ trương hòa bình trước hết, chứ không phải cho chủ nghĩa xã hội trước hết.

\*\*\*

Tôi sẽ từ chối — không điều kiện — phục vụ chiến tranh dù là trực tiếp hay gián tiếp. Tôi sẽ ráng thuyết phục bạn bè tôi theo thái độ như tôi, chẳng cần biết người ta phê phán ra sao về nguyên nhân của chiến tranh.

••\*

Loài người phải nghỉ ngơi tr? Phải. Nhưng thế nào là nghỉ ngơi đã. Ông không thể ra một đạo luật bảo người ta phải như thế này thế nọ. Có người khi đi nằm ngủ là nghỉ ngơi; có người lại mở mắt, tinh thần

tinh tảo, kích thích mà là nghỉ ngơi; một số ít người phải làm việc hoặc chơi đùa để được nghỉ ngơi. Nếu ông biếu quyết một đạo luật bảo người ta phải nghỉ ngơi ra sao thì có nghĩa là ông coi mọi người giống nhau hết. Nhưng làm gì có hai người y hệt nhau.

\*\*\*

Kinh nghiệm hiện nay cho chúng ta tin rằng trong thiên nhiên có sự bình dị của toán học.

Tôi tin rằng dùng môn toán thuần túy chúng ta có thể tìm được những ý niệm, với những luật liên quan cho ta hiểu được các hiện tượng thiên nhiên. Dĩ nhiên kinh nghiệm có thể hướng dẫn ta khi ta lựa chọn những ý niệm toán học có ích; nhưng trong thực tế, nó không thể là nguồn gốc của những ý niệm đó được.

Vậy theo một nghĩa nào đó, tôi cho rằng tư tưởng thuần túy có thể nắm được chân lý, như cõi nhân vờ<sup>c</sup> ao.

\*\*\*

Truyền thống tôn giáo Do Thái-Ki Tô đã cho ta những qui tắc cốt yếu nhất trong các hoài bão của ta và trong cách ta nhận định các giá trị. Đó là một mục đích cao thượng.... Nếu ta lột bỏ hình thức tôn giáo của mục đích đó đi, mà nhìn khía cạnh hoàn toàn nhân bản của nó, thì ta có thể định nghĩa nó như sau :

Mục đích của tôn giáo là sự phát triển tinh thần tự do và có trách nhiệm của cá nhân, sao cho cá nhân tự do và vui vẻ đem tinh lực của mình ra giúp cộng đồng nhân loại. Nếu ta chỉ chú ý tới nội dung thôi mà không chú ý tới hình thức thì câu trên có thể coi như là diễn được những qui tắc căn bản của chế độ dân chủ.

\* \*

Frank, một trong những người hiểu rõ Einstein nhất, bảo rằng: « Einstein cho tôn giáo gồm các cảm giác thần bí về các luật vũ trụ, và cái cảm giác rằng mình có bồn phận tinh thần với người đồng loại ».



## C

### VÀI Ý KIẾN CỦA EINSTEIN.

Bản về « Hội Vạn Quốc » — đã thất bại thảm hại — và « Tòa án quốc tế La Haye », Einstein năm 1933 viết như sau :

« Những tòa lâu đài đẹp đẽ đó hoặc những tòa án trọng tài quốc tế đó dùng được vào việc gì? Sự thành lập một tòa án thế giới chỉ có ích nếu người ta chắc chắn rằng các quyết định của tòa được tất cả các quốc gia tuân theo, các quốc gia này đều hoạt động cho một mục đích chung. Những tờ chức kinh tế xây dựng trên lòng vị kỷ, coi thường các nhu cầu và hạnh phúc của người đồng loại, thì không sao trưởng cữu được. Tại sao người ta không hành động cho mục đích chung đó? Tại sao mỗi người, mỗi quốc gia cứ phải run sợ cho chính sự sinh tồn của mình? Tại mỗi người chỉ nhầm cái mồi bait tiện về tiền bạc, mà không muốn hy sinh ít nhiều quyền lợi của mình cho cái lợi và sự thịnh vượng của cộng đồng. Khi nào loài người chưa đạt được trình độ vị tha đó thì mọi sự hòa giải giữa các cường quốc chỉ là một hình thức vô nghĩa ».

\*\*

Khi người ta hỏi ý kiến của Einstein về sự phổ biến khoa học trong đại chúng, ông đáp:

« Con người không phải chỉ sống bằng bánh mì. Nếu người ta giảng tư tưởng khoa học cách nào cho những người không thông về khoa học hiểu được thì họ có thể thầm nhuần được một phần cái đẹp và cái cao cả của tư tưởng khoa học. Không nên đòi hỏi rằng khoa học phải khái thị được «chân lý». Theo nghĩa thường dùng thì «chân lý» là một cái gì mènh mông quá, không rõ ràng, xác định. Người ta nên hiểu rằng bọn chúng tôi chỉ có thể nhầm sự phát kiến các chân lý phỏng chừng thôi. Vả lại, trong tư tưởng khoa học luôn luôn có yếu tố thi vị. Muốn hiểu một khoa học cũng như muốn thưởng thức một bản nhạc hay, đều cần một sự diễn tiến của tinh thần y như nhau, trong một mức độ nào đó. Phổ biến khoa học là một việc quan trọng vào bậc nhất, nhưng phải là người giỏi mới làm được. Khi tìm cách giản dị hóa sự vật, ta không nên làm cho nó biến dạng đi. Sự phổ biến phải trung thực với tư tưởng nguyên thủy. Dĩ nhiên, mọi người không thể hiểu khoa học y như nhau. Đổi với chúng tôi, khoa học tự nó là một cùu cánh rồi vì những nhà khoa học như chúng tôi đều có tinh thần lầm lỗi. Nhưng chúng tôi không thể mong rằng mọi người đều quan niệm như chúng tôi, và đổi với những người không chuyên về khoa học, chúng ta phải có nhận định riêng. Nhờ xã hội mà các nhà bác học mới làm việc được: xã hội nuôi họ. Xã hội có quyền đòi hỏi

họ, để đèn đáp lại, phải cung cấp cho xã hội một thức ăn [tinh thần] để tiêu hóa...»

\*\*

Một người hỏi Einstein về số vốn tri thức tối thiểu mỗi sinh viên cần có, ông đáp:

« Tôi không biết được; riêng về phần tôi những sự kiện nào mà tôi có thể tìm kiếm dễ dàng trong một bộ Bách khoa tự điển, thì tôi không mất công nhờ làm chỉ cho bản óc ».

Một lần khác ông nói thêm:

« Không nên nhồi các sự kiện, các tên, các công thức vào trí óc một thanh niên. Muốn biết những cái đó, chỉ cần tra sách, chứ đâu có cần lại đại học nghe giáo sư giảng. Giáo sư chỉ nên dạy cho thanh niên tập suy nghĩ; không một cuốn sách nào thay thế sự luyện tập đó được. Làm sao mà nền giáo dục hiện đại không hoàn toàn bóp nghẹt trí óc tờ mờ tìm tòi thiêng liêng của con người, điều đó quả thật là khó hiểu.

\*\*

Thỉnh thoảng có người hỏi ông về tôn giáo để thử xem ông có lúng túng không. Một hôm ông đáp:

« Tôi tin có đấng Thượng đế của Spinoza, đấng đó biểu hiện trong sự hòa hợp của vạn vật; chứ tôi không

tin một đắng Thượng Đế săn sóc tối thân phận và những hành động của con người ».

\* \* \*

Về một số hiện tượng không sao giảng được và đôi khi làm cho ta hoang mang, Ông không nhất thiết tỏ thái độ phủ nhận đâu. Ông bảo :

« Có thể rằng con người phát những luồng gì đó mà chúng ta không biết. Ông nên nhớ lại, hồi trước người ta mỉa mai ra sao sao thuyết về các luồng điện, các làn sóng vô hình. Khoa học về con người vẫn còn ở trong tình trạng ấu trĩ ».

\* \* \*

Theo Antonina Vallentin, Einstein còn thú nhận như vầy nữa :

« Tôi muốn tin rằng có sự thần giao cách cảm, nhưng nếu có thì chắc là nó thuộc về vật lý học hơn là về tâm lý học ».

\* \* \*

Sommerfeld một hôm hỏi Einstein : « Ông có tin rằng có một thực thể ở ngoài chúng ta không ? »

Ông đáp :

— Tôi tin rằng có.

Như vậy không có nghĩa rằng Ông nhận có một thương để mang hình người, như các tôn giáo — nhất là các Giáo hội Ki-Tô — giảng cho tính đờ. Ông viết :

« Một người càng thấu triệt được sự đều đặn có thứ tự của các biến cố tự nhiên thì càng vững tin rằng ngoài sự đều đặn có thứ tự đó ra không còn có nguyên nhân nào bản chất khác nữa. Đối với người đó thì không có cái luật nhân ý hay thần ý nào mà lại là những nguyên nhân ở ngoài các biến cố tự nhiên. Chắc chắn rằng không thể dùng khoa học mà thực sự bác được cái thuyết có một đấng nhân cách thần <sup>(1)</sup> can thiệp vào các biến cố tự nhiên, vì thuyết đó luôn luôn có thể nấp trong những khu vực mà khoa học chưa đặt chân vào được. Nhưng tôi tin chắc rằng một thái độ như vậy của các nhà đại diện tôn giáo chẳng những không cao thượng mà còn tai hại nữa. Vì một thuyết không dám phơi ra ánh sáng cứ phải nấp trong bóng tối mới tồn tại được thì nhất định là không ảnh hưởng gì tới những phần tử suy tư trong nhân loại được ».

Nhưng Ông lại thêm :

« Nếu một trong những mục đích của tôn giáo là răn giải thoát con người khỏi bị thèm khát, dục vọng và nỗi sợ sệt chi phối, thì sự lý luận khoa học có thể giúp tôn giáo về một mặt khác nữa. Mặc dầu mục đích của khoa học là tìm ra qui tắc dễ có thể gom lại và bảo trước các

---

(1) Nghĩa là thần cũng có hình thể, tinh cảm như người.

sự kiện, nhưng đó không phải là mục đích duy nhất. Khoa học còn tìm cách giảm bớt các liên hệ tìm ra được thành một số khái niệm độc lập càng ít càng qui. Chính trong sự gắng sức hợp nhất một cách hợp lý nhiều sự kiện rời rạc đó, mà khoa học thành công nhất, mặc dù công việc rắn tảng hợp đó làm cho nhà khoa học dễ có ảo tưởng mà làm lạc lầm. Nhưng ai đã say sưa thấy được những tần bộ phong phú trong khu vực đó thì cũng thâm thiết tôn sùng cái hợp lý (của thiên nhiên) biếu lộ trong đời sống. Nhờ trí tuệ, người đó tự cởi bỏ được những thúc phục của tư dục, và do đó giữ được thái độ tinh thần kính cần trước cái lẽ phải thiên nhiên nó được biếu hiện trong đời sống, còn cái phần thâm thúy nhất của nó thì con người không hiểu được. Tôi cho thái độ đó có tính cách tôn giáo theo cái nghĩa cao quý nhất của tiếng tôn giáo — và tôi cũng nghĩ rằng khoa học chẳng những làm cho xúc động tôn giáo được trong sạch hơn, gột được những cái gợn bần của thuyết có một « nhân cách thần », mà còn giúp cho sự hiểu biết của ta về đời sống được tinh-hoa hơn lên. Tinh thần của nhân loại càng tiến triển thì tôi càng tin chắc rằng người ta theo tôn giáo không phải vì sợ cuộc sống, sợ sự chết, không phải vì có lòng tin ngưỡng mù quáng, mà vì người ta gắng sức đạt được cái tri thức hợp lý ».

Mỗi khi ta thấy Einstein dùng danh từ « tôn giáo » thì ta phải nhớ quan niệm đó của ông. Ông không phải là người lãnh đậm lặng xét vũ trụ rồi diễn những hiện tượng vật lý thành công thức ; mà trái lại, ông như mọi

người đã tự đặt câu hỏi này một lần, một cách nghiêm trang thâm thúy : « Tại sao lại có thế giới này ? tại sao lại có đời sống ? tại sao mình có ý thức rằng mình sống ? » mà không tự giải đáp được, rồi nghĩ tới những bí mật đó, tâm hồn ông bị một thứ kinh động thần bí xâm chiếm, ngạc nhiên về sự hòa hợp kỳ diệu của vũ trụ mà toán học không sao chứng minh được.

Ông viết :

« Cảm xúc đẹp nhất mà ta có thể có được là cảm xúc thần bí. Nó là mầm của nghệ thuật và của mọi khoa học chân chính. Người nào không có cảm xúc đó, không còn biết ngạc nhiên nữa, và sống trong lo lắng sợ sệt, thì tuy sống mà cũng như chết. Biết rằng có những cái có thực mà ta không hiểu nổi, mà những cái đó mới là sáng suốt nhất, đẹp đẽ, rực rỡ nhất, nhưng các quan năng quá tầm thường của ta chỉ nhận định được những hình thức sơ sài của những cái đó thôi, biết được như vậy, cảm thấy như vậy là có được cái căn bản của tôn-giáo-cảm chân chính. Về phương diện đó và chỉ về phương diện đó thôi, tôi thuộc vào hàng người có tinh thần tôn giáo thâm thúy ».

Tôn giáo đó ông gọi là «tôn giáo vũ trụ ». Ông viết về tôn giáo vũ trụ như sau :

« Trong một cuộc tìm tòi khoa học thâm thúy, cái cảm giác có một tôn giáo vũ trụ là cảm giác cao đẹp nhất, mãnh liệt nhất, không gì bằng. Kẻ nào không hiểu

được những gắng sức ghê gớm, sự hoàn toàn hi sinh cẩn thiết cho mọi sự sáng tạo trong tư tưởng khoa học, kẻ đó không đánh giá được sức mạnh của tình cảm, mà chỉ có tình cảm mới phát sinh được một công trình như vậy, một công trình không liên quan gì với đời sống thực tế ngay trước mắt. Một người như Képler, như Newton, đã thâm tín tới mức nào tính cách hữu lý của cơ cấu vũ trụ, đã nhiệt tâm muốn hiểu vũ trụ tới mức nào, dù chỉ là một tia lě phải rất nhỏ nhặt phát hiện trong thế giới ».



### Ý KIẾN VỀ VIỆC TÌM HÒA BÌNH

Đây là cuộc phỏng vấn Einstein của đài vô tuyến truyền thanh Liên Hiệp Quốc ngày 16 tháng 6 năm 1950.

*Hỏi :* Người ta bảo rằng vận mạng của nhân loại hiện nay treo trên cán cân, như vậy có nói quá không?

*Đáp :* Không quá đâu. Vận mạng nhân loại luôn đặt trên bàn cân... nhưng thời này lời đó còn đúng hơn mọi thời đã qua nữa.

*Hỏi :* Chúng ta có thể cảnh cáo cho mọi người nhận định được tình hình nghiêm trọng lúc này không?

*Đáp :* Tôi tin rằng có thể trả lời câu đó được. Chuẩn bị để đối phó khi chiến tranh xảy ra đó không phải là một cách cứu vãn tình thế; muốn cứu vãn tình thế thì trước hết phải tin rằng để tránh sự tàn phá của chiến

tranh, chỉ có cách là kiên nhẫn thương thuyết với nhau và tạo một căn bản hợp pháp để giải quyết những vấn đề quốc tế, cơ quan chấp hành đó phải đủ mạnh — tóm lại là tựa như một thứ chính quyền quốc tế.

*Hỏi*: Sự ganh đua chế tạo các vũ khí nguyên tử sẽ đưa tới một thế chiến khác, hay như một số người quả quyết, sẽ ngăn cản được chiến tranh?

*Đáp*: Ganh đua nhau chế tạo vũ khí không phải là một cách để ngăn cản chiến tranh. Càng tiến theo hướng đó thì chúng ta lại càng tới gần tai họa hơn. Cách đó là cách tệ hại nhất để ngăn cản sự xung đột phát ra. Trái lại, muốn có hòa bình thực sự thì phải theo một chính sách giải giới trên qui mô siêu-quốc-gia. Tôi lặp lại, tăng cường vũ bị không phải là cách phòng ngừa chiến tranh mà nhất định sẽ đưa tới chiến tranh.

*Hỏi*: Có thể đồng thời chuẩn bị vừa cho chiến tranh vừa cho một cộng đồng quốc tế kí ức?

*Đáp*: Nỗ lực xây dựng hòa bình và chuẩn bị cho chiến tranh, hai cái đó không đi đôi với nhau được, thời này còn hơn thời nào nữa.

*Hỏi*: Chúng ta có thể phòng ngừa chiến tranh được không?

*Đáp*: Có một lời đáp rất giản dị. Nếu chúng ta can đảm lựa chọn hòa bình, thì chúng ta sẽ có hòa bình.

*Hỏi*: Bằng cách nào vậy?

*Đáp*: Bằng ý chí cường quyết tìm cách thỏa hiệp

với nhau. Đó là lẽ đương nhiên. Hoàn cảnh chúng ta ngày nay không phải là một trò đùa mà là một nỗi tối nguy cho cuộc sống. Nếu không cương quyết gỡ rối bằng cách hòa bình thì không bao giờ ông tìm được một giải pháp hòa bình.

*Hỏi*: Cụ đoán phỏng trong mươi năm hoặc hai chục năm nữa, nguyên tử lực tác động ra sao tới nền văn minh của chúng ta?

*Đáp*: Câu hỏi đó không hợp lý. Hiện nay khả năng kỹ thuật của chúng ta đã đủ lăm răm... nếu chúng ta biết cách dùng nó cho thỏa đáng, hợp lý.

*Hỏi*: Vài nhà khoa học tiên đoán rằng đời sống của chúng ta sẽ thay đổi sâu xa... chẳng hạn sau này chúng ta có thể chỉ làm việc mỗi ngày hai giờ thôi. Ý kiến của cụ ra sao?

*Đáp*: Con người thì bao giờ cũng vậy. Thực ra không có gì là thay đổi sâu xa. Chúng ta làm việc năm giờ hay hai giờ một ngày thì có gì là quan trọng lắm đâu. Vấn đề chúng ta phải giải quyết là vấn đề xã hội và kinh tế trên bình diện quốc tế.

*Hỏi*: Số bom nguyên tử đã chất đống đó, cụ đề nghị đem làm gì bây giờ?

*Đáp*: Đem giao nó cho một tờ chức siêu quốc gia. Từ nay cho tới khi thế giới có một nền hòa bình vững bền thì mỗi nước phải giữ một vũ lực phòng ngự nào đó. Giải giới một phía là chuyện không thể được, không thành vấn đề. Khi giới chỉ có thể giao phó cho một uy quyền

quốc tế thôi, không có cách nào khác . . . giải giới một cách triệt để và thành lập một chính quyền siêu quốc gia, hai cái đó liên hệ với nhau. Người ta không nên xét vấn đề an ninh của thế giới theo một khía cạnh quá kỹ thuật. Cái ý chí muốn hòa bình và cài lòng sẵn sàng chấp nhận mỗi bước đe tiễn lẩn tới mục tiêu đó, cái đó mới quan trọng nhất.

*Hỏi :* Cá nhân có thể làm cái gì cho chiến tranh hoặc hòa bình?

*Đáp :* Cá nhân có thể buộc mỗi ứng cử viên (võ quốc hội vẫn vẫn) hứa chắc rằng sẽ hoạt động cho trật tự quốc tế và tiết chế quyền tối cao của quốc gia cho trật tự quốc tế đó. Ai cũng dự vào việc tạo nên một dư luận . . . và phải thực sự hiểu cái gì cần thiết (cho nhân loại). . . và phải can đảm tuyên bố ra.

*Hỏi :* Đài Phát thanh Liên Hiệp Quốc phát thanh bằng hai mươi bảy ngôn ngữ trên khắp thế giới. Trước nguy cơ lớn hiện nay cụ có điều gì muốn nhắn nhủ mọi dân tộc, để chúng tôi phát thanh không?

*Đáp :* Tóm tắt ít lời thì tôi muốn tin rằng, quan niệm của Gandhi là quan niệm sáng suốt nhất của tất cả các chính khách ở thời đại chúng ta. Chúng ta phải gắng sức hành động theo tinh thần của Gandhi, không dùng bạo lực để chiến đấu cho chủ trương của ta mà dùng chính sách bất hợp tác khi ta tin rằng một việc gì đó xấu.

\* \* \*

# PHỤ LỤC

## TÔI GẶP EINSTEIN

Hồi đó tôi còn trẻ măng, mới bước vào đời thì nhận được thiếp mời dự một bữa tiệc của một nhà từ thiện nổi tiếng ở New York. Sau bữa tiệc, nữ chủ nhân dắt chúng tôi qua một phòng khách rộng mênh mông. Một đoàn khách nữa lũ lượt kéo tới và tôi nhận thấy hai điều dưới đây mà đám ngoại ngung: gia nhân kê mấy hàng dài ghế dựa nhỏ thấp vàng và trước mặt những ghế đó, ở tường có dựng nhiều nhạc khí. Cái điều này thì tôi sắp phải chịu cực hình nghe tấu một bộ bốn cây huyền cầm mất.

Tôi nói « chịu cực hình » vì tôi chẳng thích nhạc một chút nào cả. Tôi không có « tai nghe nhạc », phải gắng sức lầm mói nhớ được một điều giản dị nhất, còn tấu nhạc cổ diễn lên cho tôi nghe thì chẳng khác gì đòn gậy tay trâu. Vì vậy tôi dùng cái thuật cổ hủ của tôi mỗi khi bị vào trong: tôi ngồi đó, trong mấy nhịp đầu lâm ra bộ mê nhạc, hân hoan lắm, rồi thì bỏ ngoài tai mà suy nghĩ những chuyện đâu đâu chẳng liên quan gì tới nhạc.

Được một lát, thấy người chung quanh vỗ tay,

tôi nghĩ bụng lúc này có thể trở về với thực tại được rồi, không hại gì cả. Tức thi tôi nghe thấy ở bên phải tôi một giọng nói êm đềm nhưng rõ ràng là lồng:

— Cậu có thích Bach (1) không?

Đối với tôi thì Bach cũng xa lạ như hạch tâm. Nhưng nhìn mờ tóc bạc bờm chòm kia, chiếc ống điếu bắt tuyệt ở trên miệng kia, tôi nhận ra được một vĩ nhân nổi danh nhất thế giới: tôi ngồi ở bên cù Einstein.

Tôi hơi ngượng nghịch, do dự:

— Dạ thưa cụ...

Câu hỏi mà xã giao thì chỉ cần kiểm một câu đáp cũng xã giao. Nhưng nhìn cặp mắt sáng dị thường của cụ, tôi biết rằng câu hỏi của cụ không phải chỉ là xã giao, dù tôi coi nó là quan trọng hay không thi đối với cụ, nó cũng có nhiều ý nghĩa. Nhất là đối với một người như cụ, tôi không thể nào nói láo được. Cho nên tôi ngượng nghịch thút溽:

— Cháu tuyệt nhiên chưa được biết Bach, chưa được nghe nhạc của ông ấy bao giờ.

Trên nét mặt linh động của Einstein, hiện lên một vẻ ngạc nhiên, ngẩn ngơ. Cụ hỏi tôi:

---

(1) Nhạc sĩ vào bậc thiên tài của Đức ở tiền bản thế kỷ XVIII.

— Cậu chưa được nghe Bach lần nào ư?

Như thể tôi mới thú với cụ rằng chưa hết tắm lần nào vậy.

Tôi vội nói tiếp:

— Không phải là cháu không ưa Bach. Nhưng cháu không có tai nghe nhạc, gần như vậy. Thật tình cháu chưa thường thức được nhạc của bất kỳ nhạc sĩ nào.

Cụ có vẻ buồn rồi bỗng nhiên bảo tôi:

— Cậu lên đây với tôi.

Cụ đứng dậy, nắm cánh tay tôi. Tôi cũng đứng dậy, và chúng tôi cùng đi qua căn phòng đông nghẹt đó, tôi thì cúi gầm mặt xuống, lúng túng vô cùng. Trong phòng có tiếng thì thầm ngạc nhiên mỗi lúc mỗi lớn, ra tới phòng ngoài rồi, tôi mới không nghe thấy nữa. Cụ cứ thản nhiên như thường.

Cụ đưa tôi lên thẳng từng lần nhất. Cụ thuộc lối tắm. Lên hết cầu thang, cụ mở một cái cửa đưa vào vô một phòng làm việc trên tường đầy sách. Èo tôi vô rồi, cụ khép cửa lại, khẽ rụt rè mỉm cười hỏi tôi:

— Bây giờ cậu cho tôi biết cậu có thái độ đó đối với âm nhạc đã từ bao lâu nay.

Tôi khẽ sở vожет, đáp:

— Thưa, từ hồi nào tới giờ. Nhưng cháu vẫn cũ, mới cũ xuống phòng khách nghe hòa nhạc! Cháu nghe mà không thường thức được thì có gì là quan trọng đâu à.

Cụ lắc đầu, cau mày như thế tôi mới lõi lời nói bấy vây.

— Cậu cho biết có thứ nhạc nào cậu thích không?

— Dạ!... Cố lẽ cháu thích những điệu nhạc có lời, thứ nhạc mà cháu hiều được giai điệu.

Cụ mỉm cười gật đầu, vẻ khoái chí lắm.

— Cậu kể một bản nào làm thí dụ được không?

— Thưa... cháu không nhớ nữa... Gần hết các bản của Bing Crosby.

Cụ lại vui vẻ gật đầu :

— Được lắm!

Rồi cụ lại một góc phòng, mở một máy hát, lụa trong đống đĩa hát. Tôi ngượng ngù g ngó cụ.

Sau cùng cụ toét miệng ra cười, bảo :

— Đây rồi!

Cụ đặt một đĩa lên máy hát và trong phòng vang lên điệu hát nhẹ nhàng vui vẻ của Bing Crosby : *When the blue of the night meets the gold of the day*. Cụ ngó

tôi, nét mặt hân hoan, lấy ống điếu gỗ nhịp. Sau hai ba câu, cụ cho máy ngưng.

— Bây giờ cậu cho tôi biết cậu mới nghe thấy gì ?

Tôi nghĩ cách giản dị nhất để đáp câu đó là hát điệu đó lên. Tôi gắng sức một cách huyệt vọng để hát cho khỏi sai điệu, sai giọng. Mặt cụ tươi lên ; khi tôi ngừng, cụ la lớn :

— Đấy ? Cậu quả có tai nghe nhạc mà !

Tôi lắp bắp đáp rằng điệu đó là một trong những điệu tôi thích và tôi đã nghe nó cả trăm lần rồi, như vậy có chứng minh được gì đâu ?

Cụ bảo :

— Bậy nào ! Chứng minh được nhiều lắm chứ ! Cậu còn nhớ bài số học đầu tiên của cậu ở trường không ? Thi dụ rằng ngay buổi đầu tiếp xúc với các con số mà ông giáo của cậu muốn dạy ngay cho cậu làm những toán chia thật dài chẳng hạn, hoặc toán về phân số thì cậu có làm được không ?

— Chắc chắn không ạ.

Chiếc ống điếu của cụ múa tít một vòng đắc chi.

— Dĩ nhiên ! Làm sao nói, mà cậu còn kinh hoàng nữa là khác. Cậu sẽ kệch những toán chia dài và những phân số. Và như vậy chỉ do lỗi của ông giáo đó mà có

lẽ suối đời cậu không bao giờ được thấy cái đẹp của những toán chia dài và toán phân số.

Chiếc ống điếu lại múa một vòng nữa trên không trung.

— Nhưng không ông giáo nào lại thất sách như vậy trong bài giảng đầu tiên. Ai thi cũng bắt đầu giảng cho cậu những điều sơ đẳng nhất, khi nào cậu đã quên làm những bài toán giản dị nhất rồi mới lần lần tập cho cậu làm toán chia dài và phân số. Nhạc thi cũng vậy.

Nói tới đó, cụ cầm chiếc đĩa hát Bing Crosby lên :

— Bài hát nhỏ vui vui này là bài toán cộng hay trừ giản dị mà cậu đã hiểu rồi đấy. Nay giờ chúng ta nghe một bản hơi phức tạp hơn.

Cụ lụa một đĩa khác rồi lại cho máy chạy. Phòng lại vang lên tiếng vang của John Mc Cormack hát bản *The Trumpeter*. Được vài câu, cụ lại cho máy ngừng :

— Nay giờ cậu thử hát lại khúc đó xem nào.

Tôi vắng lời cụ mà ngại ngừng quá đỗi, nhưng lật tung chura, tôi hát được đúng điệu chừ. Cụ ngó tôi và trên nét mặt cụ tôi thấy một vẻ mà trước lúc đó tôi chỉ được thấy mỗi một lần, trên khuôn mặt ba tôi, khi tôi nhận được bằng cấp đại học rồi, đọc diễn văn từ biệt ngôi trường.

Tôi hát xong, cụ khen :

— Tuyệt ! Bây giờ tới bản này !

« Bản này » là bản *Cavalleria Rusticana* của Caruso, mà tôi không thể nhận ra được. Nhưng tôi cũng phát ra được vài thanh âm gần tương tự. Mặt cụ Einstein trui lên.

Sau Caruso, tiếp theo ít nhất là một chục bản khác nữa. Tôi không thể nén nổi sự hoảng hốt tòan kính của tôi khi thấy vĩ nhân đó — mà do một sự may mắn lạ thường tôi tình cờ được gặp mặt — hoàn toàn chú ý vào sự dắt dẫn, chỉ bảo tôi như thể ngoài tôi ra, cụ không còn chút bận tâm nào khác.

Sau cùng tôi những đĩa nhạc không có lời và bảo tôi nghe xong và hát lại. Khi tôi rán phát một cái « nốt » cao, miệng cụ há ra, cụ ngả đầu về phía sau như để giúp tôi cất tiếng lên bỗng. Chắc là tôi hát tệ lắm, vì bỗng nhiên cụ cho máy ngừng, nắm tay tôi và bảo :

— Bây giờ chúng ta nghe Bach được rồi.

Rồi chúng tôi khoác tay nhau trở về chỗ ngồi cũ trong phòng khách, đúng lúc các nhạc công đương lên dây để tấu một khúc khác.

Cụ mỉm cười, vỗ vai tôi khuyễn khích :

— Cứ lặng yên mà nghe, có vậy thôi.

Dĩ nhiên không phải có vậy mà thôi, Tôi, một tên vô danh tiểu tốt, nếu hôm đó không được cụ cố gắng hướng dẫn thì làm sao được nghe lần đầu tiên trong đời tôi khúc *Paturez, troupeau* của Bach. Từ hồi đó tôi đã được nghe lại khúc đó nhiều lần, không bao giờ chán cả vì không lần nào nghe một mình. Lần nào tôi cũng thấy tôi ngồi bên cạnh một cụ thấp bé tròn trĩnh, mờ tóc trắng bờm chòm, chiếc ống điếu ngậm trong miệng đã tắt ngấm và khói mắt nhiệt thành lả lùng chứa tất cả niềm kinh dị trên thế giới.

Khi nhạc ngừng rồi, tôi vỗ tay thành thực khen với các thính giả khác.

Bỗng bà chủ nhà xuất hiện trước mặt chúng tôi, liếc tôi vẻ lạnh lùng trách móc rồi thưa với cụ Einstein :

— Thưa Tiên sinh, chúng tôi rất ân hận rằng Tiên sinh đã không nghe được phần lớn buổi hòa nhạc này.

Cụ Einstein và tôi vội vàng đứng dậy,

— Tôi cũng ân hận lắm nhưng cậu bạn trẻ của tôi đây và tôi mãi làm một việc cao cả nhất mà con người có thể làm được,

Bà chủ nhà ngạc nhiên hỏi :

— Vậy ư. Việc gì vậy ?

Einstein mỉm cười, nắm vai tôi rồi thốt ra câu này mà theo tôi, kể suốt đời chịu ơn cụ, có thể khắc trên mộ bì của cụ đực :

— Khai hoang một khu mới trong thế giới bí mật của cái đẹp (!).

Jérôme Weidman



---

(1) Chúng ta nên nhớ Einstein tới nước nào cũng được tiếp đón long trọng hơn các vị quốc trưởng. Có lần ông qua Nhật diễn thuyết, hàng vạn người Nhật thức suốt đêm ở trước khách sạn của ông để đợi ông buổi sáng hiện ra trên ban-công mà hoan hô. Vậy mà đối với thánh niên, tác giả bài này, ông thực giản dị hồn nhiên, chân thành tận tâm làm sao! Đó mới thực là tư cách một vĩ nhân!

## NIÊN BIỀU SƠ LƯỢC ĐỜI EINSTEIN



- 1879. Albert Einstein sinh ngày 14-3 ở Ulm (Đức).
- 1891. Ông bắt đầu thích môn hình học và khoa học.
- 1896. Học trường *Polytechnicum* ở Zurich (Thụy-Sĩ)
- 1902. Làm nhân viên phòng Chấp chiếu chứng thư ở Berne. Cưới bà vợ trước : Mileva.
- 1905. Xuất bản một cuốn về « *Thuyết tương đối hẹp* » và một thiên khảo cứu về thuyết « *chuyển động brownien* ».
- 1909. Làm giáo sư phụ về môn vật-lý lý-thuyết ở đại học Zurich.
- 1910. Làm giáo sư vật-lý lý-thuyết ở Prague.
- 1912. Làm giáo sư vật-lý lý-thuyết ở trường *Polytechnicum*.
- 1914. Vô Viện Hàn lâm Khoa học và viện Kaiser Wilhelm ở Berlin.
- 1916. Thành lập « *thuyết tương đối tông quát* » — Có bà vợ sau Elsa.

1920. Xuất bản cuốn « Ý nghĩa của thuyết tương đối » và cuốn : « *Thuyết tương đối : hép và tổng quát* ».
1921. Qua Hoa-Kỳ. Được giải thưởng Nobel về vật-lý.
1929. Bắt đầu dựng thuyết *champ unifié* (trường thống nhất).
1931. Hợp tác với nhiều nhà bác học ở Viện Công nghệ học Californie — Xuất bản cuốn *Tôn giáo vũ trụ*.
1932. Lại hợp tác ở viện Công nghệ học Californie.
1933. Hitler cầm quyền. Đời sống Ông bị đe dọa. Ông tỵ nạn qua Bỉ, Anh rồi Huê-Kỳ ; từ đây nghiên cứu ở đại học Princeton (New Jersey) cho tới khi mất.
1936. Bà vợ sau mất.
1939. Viết thư cho Tổng Thống Roosevelt khuyên nên thúc đẩy chương trình nghiên cứu nguyên tử nǎng.
1949. Soát lại và công bố thuyết *champ unifié*. Xuất bản cuốn « *Thế giới trong mắt tôi* ».
1950. Xuất bản cuốn « *Mấy năm gần đây của tôi* ».
1952. Từ chối chức Tổng Thống Israël.
1954. Xuất bản cuốn « *Tư tưởng và ý kiến của tôi* ».
1955. Mất ngày 18-4 ở Princeton.



# MỤC LỤC

Trang

## PHẦN I

### ĐỜI SỐNG VÀ TƯ TƯỞNG . . . . . 7

— Một bộ óc lạ lùng và một tâm hồn đáng quý, . . . . .	9
— Đời học sinh . . . . .	11
— Lựa con đường phát minh và nổi danh, . . . . .	16
— $E = mc^2$ và nguyên tử lực, . . . . .	19
— « Einstein hạ giới » và thuyết tương đối ra đời, . . . . .	26
— Di khắp thế giới diễn thuyết . . . . .	30
— Thuyết « champ unifié » chia khóa của vũ trụ . . . . .	33
— Được đứng chung với các vị thánh . . . . .	35
— Đầu Einstein bị Hitler treo giữa hai vạn Đức kim . . . . .	38
— Qua Mỹ. . . . .	41
— Bức thư lịch sử . . . . .	41
— Nỗi ân hận của nhà khoa học . . . . .	48
— Einstein cảnh cáo chúng ta. . . . .	50
— Đồng chí của Bertrand Russell . . . . .	52
— Vài nét về đời tư của Einstein . . . . .	56
— Giản dị..., . . . . .	56
— ... Mùi hòn nhiên, . . . . .	58
— ... Và nhún nhặt, ghét quảng cáo, . . . . .	61

— Thích giúp người . . . . .	64
— Tư tưởng của Einstein . . . . .	67
— Triết nhân Einstein . . . . .	70

\* \* \*

## PHẦN II

### TRÍCH VĂN . . . . . 73

A. TẬP VĂN . . . . .	75
— Mục đích đời người . . . . .	75
— Tôi nhìn thế giới ra sao . . . . .	76
— Luân lý và tình cảm . . . . .	78
— Bàn về tự do . . . . .	86
— Chống sự « hỗn loạn quốc tế » . . . . .	89
— Sự truy lục của con người khoa học . . . . .	95
— Thông điệp gửi cho hậu thế . . . . .	97
— Lời khuyên trẻ thơ . . . . .	98
— Mahatma Gandhi . . . . .	98
B. VÀI TƯ TUỞNG CỦA EINSTEIN . . . . .	101
C. VÀI Ý KIẾN CỦA EINSTEIN . . . . .	109
— Ý kiến về việc tìm hòa bình . . . . .	116

\* \* \*

<b>Phụ lục : Tôi gặp Einstein . . . . .</b>	123
<b>Niên biểu sơ lược đời Einstein . . . . .</b>	133
<b>Mục lục . . . . .</b>	135



# LỬA-THIỆNG

442, Thiệu-Trị (Phú-Dinh cũ) Phú-Lâm  
**CHOLON**



## Sách đã xuất-bản:

- 1.— DÂN-SỐ HỌC. . . . . của LÂM THANH LIÊM
- 2.— ĐỊA-LÝ GIAO-THÔNG. . . . . của LÂM THANH LIÊM
- 3.— LỊCH-SỬ HOA-KỲ (Từ độc-lập đến chiến-tranh Nam-Bắc). . . . . của NGUYỄN THẾ ANH
- 4.— BẢN-ĐẢO ÁN-ĐỘ (Từ khởi-thùy đến thế-kỷ thứ XVI). . . . . của PHẠM CAO DƯƠNG
- 5.— BẢO-TỒN TÀI-NGUYỄN THIỀN-NHIÊN. . . . . của PHÙNG TRUNG NGÂN
- 6.— ĐỊA-CHẤT HỌC THỰC-HÀNH. . . . . của TRẦN KIM THẠCH  
NGUYỄN VĂN VĂN  
LÊ QUANG XÁNG
- 7.— VIỆT-NAM DƯỚI THỜI PHÁP BỒ HỘ . . . . . của NGUYỄN THẾ ANH
- 8.— LỊCH-SỬ THÀNH LẬP ĐẤT VIỆT. . . . . của TRẦN KIM THẠCH  
LÊ QUANG XÁNG  
LÊ THỊ ĐÌNH
- 9.— ĐỊA-LÝ KINH-TẾ (Đầu-hòa thế-giới  
và Hơi-thiên-nhiên) . . . . . của LÂM THANH LIÊM
- 10.— ĐỒNG QUĒ (Phóng-sự (Giải-nhất  
cuộc thi văn-chương của hội  
Khuyến-học Cần-Thơ năm 1943)) . . . . . của PHI VĂN
- 11.— NGỒI QUÁN (thơ) . . . . . của VŨ HOÀNG CHƯƠNG
- 12.— ĐỊA-LÝ HÌNH-THỂ  
Quyển I: Địa hình-thái-học . . . . . của LÂM THANH LIÊM

- 13.- ĐỊA-LÝ HÌNH-THẾ  
Quyển II: Khí-hậu-học nhèo mòn của LÂM THANH LIÊM

14.- XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỀN  
VĂN-HÓA GIÁO-DỤC . . . . . của NGUYỄN KHẮC HOẠCH

15.- THỜ NHƯỢNG HỌC ĐẠI-CƯƠNG . . . . . của THÁI CÔNG TỰNG

16 - KINH TẾ VÀ XÃ HỘI VIỆT NAM  
DƯỚI CÁC VUA TRIỀU NGUYỄN . . . . . của NGUYỄN THẾ ANH

17.- NHÂN-CHỦNG HỌC VÀ  
LƯỢC-KHẢO THÂN-TỘC HỌC . . . . . của BÙU LỊCH

18.- LỊCH-SỬ CHÁNH-TRỊ VÀ BANG GIAO  
QUỐC-TẾ THẾ-GIỚI HIỆN ĐẠI  
Quyển I (Giai đoạn 1918-1939) . . . . . của HOÀNG NGỌC THÀNH

19.- BẢN-ĐẢO ĂN-ĐỘ (Từ thế-kỷ  
thứ XVI đến năm 1857) . . . . . của PHẠM CAO DƯƠNG

20.- CƠ-LÝ HỌC THẠCH-CẦU ĐẠI LƯỢC . . . . . của NGUYỄN HẬI

21.- BẢN ĐẢO ĂN ĐỘ Từ 1857 đến 1947:  
(Các nét chính của sự diễn biến đã tạo  
thành Ăn-dộ và Hồi-quốc ngày nay) . . . . . của NGUYỄN THẾ ANH

22 - BERTRAND RUSSELL  
CHIẾN SĨ TỰ ĐO VÀ HÒA BÌNH . . . . . của NGUYỄN HIẾN LÊ

23.- ĐỊA-LÝ KỸ NGHỆ (Kỹ nghệ Âu-châu  
trừ Liên Sô và Đông Âu). . . . . của LÂM THANH LIÊM

24.- PHƯƠNG-PHÁP NGHỊ-LUẬN  
VÀ PHÂN-TÍCH VĂN-CHƯƠNG . . . . . của NGUYỄN THIỀN THỤ

25.- KHÍ-HẬU HỌC  
(Đại-cương và các khí-hậu nóng) . . . . . của NGUYỄN THẾ ANH

26.- ĐỜI VẮNG EM RỒI SAY VỚI  
AI ? (thơ) . . . . . của VŨ HOÀNG CHƯƠNG

27.- BIÊN KHẢO VỀ NGƯỜI TIỀN-SƯ  
(Thế-giới và Việt-Nam) . . . . . của TRẦN KIM THẠCH

28.- ĐỜI BÍCH KHÈ . . . . . của TRẦN HẢI VÂN

29.- ĐỐT LÒ HƯƠNG CŨ (di cảo) . . . . . của ĐINH HÙNG

- 30.— NÔNG HỌC ĐẠI CƯƠNG . . . . . của TÔN THẤT TRÌNH
- 31.— NGHỆ THUẬT HÀNH VĂN . . . . . của NGUYỄN THIỀN THỰ
- 32.— RỪNG PHONG (Thơ) . . . . . của VŨ HOÀNG CHƯƠNG
- 33.— CẨM BẢN ĐỊA CHẤT HỌC  
Nguyên lý tinh khoáng  
Nhôm thạch và ứng dụng . . . . . của TRẦN KIM THẠCH
- 34.— ĐỊA CẨU TRONG KHÔNG GIAN  
VÀ THỜI GIAN . . . . . của TRẦN KIM THẠCH
- 35.— ĐỊA LÝ HÌNH THỂ — Quyển IV  
(Địa hình thái khí hậu) . . . . . của LÂM THANH LIÊM
- 36.— KHÍ TƯỢNG CANH NÔNG . . . . . của NGUYỄN KIM MÔN
- 37.— HIỆN TÌNH KINH TẾ VIỆT NAM  
Quyển I : Hầm mỏ và Công kỹ nghệ . . . . . của NGUYỄN HUY
- 38.— ĐỊA LÝ HÌNH THỂ — Quyển III  
(Căn bản địa hình,thái học) . . . . . của LÂM THANH LIÊM
- 39.— ĐỊA CHÂN HỌC NHẬP MÔN . . . . . của NGUYỄN HÀI
- 40.— LỊCH SỬ CÁC QUỐC GIA ĐÔNG NAM Á  
(trừ Việt-Nam) từ nguyên sơ  
đến thế kỷ XVI . . . . . của NGUYỄN THẾ ANH
- 41.— LÙA MÌ THẾ GIỚI . . . . . của SƠN HỒNG ĐỨC
- 42.— SINH VẬT XƯA  
(Căn bản cổ sinh vật) . . . . . của TRẦN KIM THẠCH  
LÊ QUANG XÁNG  
LÊ THỊ ĐÌNH
- 43.— DÂN LUẬT . . . . . của NGUYỄN QUANG QUỲNH
- 44.— HIỆN TÌNH KINH TẾ VIỆT NAM  
Quyển II : GIAO THÔNG—THƯƠNG MẠI . . . . . của NGUYỄN HUY
- 45.— LỊCH SỬ CHÁNH TRỊ VÀ BANG GIAO  
QUỐC TẾ THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI, Quyển II  
(Từ độ nhì thế chiến đầu nay) . . . . . của HOÀNG NGỌC THÀNH

- 46.— DẦU HÓA MIỀN NAM VIỆT NAM . . . . . của TRẦN KIM THẠCH  
 47.— KINH TẾ HOA KỲ . . . . . của SON HỒNG ĐỨC  
 48.— BÍ MẬT VŨ TRỤ (in lần thứ hai) . . . . . của TRẦN KIM THẠCH  
 49.— EINSTEIN (Đời sống và tư tưởng) . . . . . của NGUYỄN HIỂN LÊ  
 50.— PHÁP VĂN TUYỀN DỊCH . . . . . của LÊ TRUNG NHIÊN

Đang in :

- 51.— VĂN CHƯƠNG NAM BỘ VÀ CUỘC KHẢNG PHÁP 1945 — 1950 . . . . . của NGUYỄN VĂN SÂM  
 52.— CUỘC TRƯỞNG-CHINH CỦA DÂN-TỘC VIỆT-NAM (Từ Âu-Lạc đến Hậu-Lê) . . . . . của TRẦN HẢI VĂN  
 53.— TIẾNG CA BỘ LẠC (thơ) (Dị cáo) . . . . . của ĐINH HÙNG  
 54.— PHẠM THÁI VÀ SƠ KÍNH TÂN TRANG . . . . . của NGUYỄN VĂN XUNG  
 55.— VIỆT NGỮ TỰ VI . . . . . của TRẦN VĂN XƯỜNG  
 56.— HÓA CHẤT DIỆT CỎ DẠI (ở nông nghiệp Việt-Nam) . . . . . của TÔN THẤT TRÌNH  
 57.— CĂN BẢN MỚI VỀ HOẠCH ĐỊNH PHÁT TRIỂN . . . . . của NGUYỄN BÃ LONG  
 58.— TRIẾT HỌC VÀ KHOA HỌC . . . . . của ĐẶNG PHÙNG QUÂN  
 59.— VAI TRÒ CỦA VIỆT-NAM QUỐC DÂN ĐẢNG TRONG LỊCH SỬ VIỆT-NAM . . . . . của TRƯƠNG NGỌC PHỦ  
 60.— SẮT THÉP THẾ GIỚI . . . . . của SON HỒNG ĐỨC  
 61.— THỰC VẬT CHỦNG . . . . . của PHẠM HOÀNG HỘ  
 62.— VĂN HỌC NAM HÀ . . . . . của NGUYỄN VĂN SÂM  
 63.— ĐỊA LÝ HỌC THỰC VẬT LỤC ĐỊA Quyển I . . . . . của LIỄU KIM SINH

- 64.— DÂN SỐ HỌC  
(In lần thứ hai) . . . . . của LÂM THANH LIÊM
- 65.— ĐÓNG GÓP I— LÃNH VỰC  
KINH TẾ TÀI CHÁNH . . . . . của NGUYỄN VĂN HẢO
- 66.— TÌM VỀ DÂN TỘC  
(In lần thứ hai) . . . . . của LY CHÁNH TRUNG
- 67.— HÁN VĂN TÂN KHÓA BẢN . . . . . của NGUYỄN KHUÊ
- 68.— KẾ TOÁN CĂN BẢN, Quyền I  
CHU KỲ KẾ TOÁN . . . . . của HOÀNG NGỌC KHIÊM

EINSTEIN, ĐỜI SỐNG VÀ TƯ  
TƯỞNG CỦA NGUYỄN HIẾN LÊ,  
LỬA THIỀNG XUẤT BẢN LẦN  
THỨ NHẤT NĂM 1972. NGOÀI  
CÁC BẢN THƯỜNG CÒN CÓ  
40 ẤN BẢN ĐẶC BIỆT IN TRÊN  
GIẤY TRẮNG DÀNH RIÊNG CHO  
TÁC GIẢ, NHÀ XUẤT BẢN VÀ  
THÂN HỮU.

Sách có bán tại :

**Nhà sách PHONG-PHÚ**

120, ĐỊNH-TIỀN-HOÀNG, 120

ĐIỆN THOẠI : 94.494

**SAIGON**

---

In xong ngày 1-8-1972 tại Án Quán PHONG PHÚ, CHOLON